



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

(Tài liệu dành cho cấp xã – tái bản lần 2)



HÀ NỘI, NĂM 2015



Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn



*Empowered lives.
Resilient nations.*

Chương trình Phát triển
Liên Hợp Quốc

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ RỦI RO

THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

(Tài liệu dành cho cấp xã - tái bản lần 2)

Xây dựng và biên tập bởi: Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai
Hỗ trợ bởi: Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

Hà Nội, Năm 2015

Trong bối cảnh thiên tai đang có xu hướng cực đoan hơn bởi tác động của biến đổi khí hậu, công tác phòng, chống thiên tai được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xác định là một trong những nhiệm vụ ưu tiên và xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đầu tư kinh phí, sức lực liên tục trong nhiều năm để xây dựng hệ thống các công trình, cơ sở vật chất phòng chống thiên tai, Nhà nước đã quan tâm hoàn thiện thể chế, chiến lược, chính sách, tăng cường năng lực và nhận thức người dân. Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và gần đây Luật phòng, chống thiên tai được ban hành; các đề án, dự án đã và đang được tổ chức thực hiện đã minh chứng cho nỗ lực đó của nhà nước và nhân dân ta.

Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/07/2009 với mục tiêu đến năm 2020, 100% cán bộ chính quyền các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực và 70% người dân các xã thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai được tăng cường nhận thức, kĩ năng trong giảm nhẹ thiên tai, qua đó người dân chủ động tham gia đánh giá rủi ro, xác định nguồn lực, xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai với trọng tâm là thực hiện theo phương châm “bốn tại chỗ”.

Theo sự chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy lợi, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ cùng nghiên cứu, tổng hợp và xây dựng tài liệu “Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” nhằm cung cấp cho cán bộ chính quyền cấp xã, thôn và người dân trong vùng bị ảnh hưởng thiên tai những hướng dẫn cụ thể để xác định các rủi ro thiên tai, các yếu tố dễ bị tổn thương và nguồn lực tại chỗ để từ đó chủ động đưa ra các giải pháp phòng, chống thiên tai phù hợp.

Trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm của các cơ quan phòng chống lụt bão các cấp, các tổ chức, các nhà quản lý, chuyên gia trong nước và quốc tế đã từng thực hiện các hoạt động liên quan đến đánh giá rủi ro thiên tai, tài liệu này cung cấp những hướng dẫn chi tiết về phương pháp, các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai cùng với các ví dụ, mẫu bảng biểu cụ thể, dễ hiểu nhằm giúp cho cán bộ chính quyền, đặc biệt là người dân dễ dàng triển khai thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai để chủ động tham gia xây dựng kế hoạch phòng chống, thiên tai ở địa phương và nâng cao khả năng tự ứng phó khi thiên tai xảy ra.

Tài liệu bao gồm 04 phần với các nội dung chính như sau:

Phần 1. Giới thiệu về đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, giải thích từ ngữ và những yêu cầu trong đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Phần 2. Tóm tắt các bước thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Phần 3. Hướng dẫn sử dụng các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Phần 4. Cung cấp mẫu báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để Nhóm đánh giá đưa kết quả đánh giá ở Phần 3 vào trong báo cáo. Ngoài ra, phần này còn đưa ra các ví dụ sử dụng các công cụ đánh giá, danh mục các giải pháp phòng, chống thiên tai, những lưu ý khi đánh giá với nhóm người dễ bị tổn thương.

Trong suốt quá trình thực hiện, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Thứ trưởng Bộ NN&PTNT - Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tiến sĩ Hoàng Văn Thắng và các cơ quan liên quan thuộc Tổng cục. Tài liệu được xây dựng với sự hỗ trợ của UNDP, Australian Aid thông qua Dự án “Nâng cao năng lực thể chế về quản lý rủi ro thiên tai tại Việt Nam, đặc biệt các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, giai đoạn II” (SCDM II). Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai là cơ quan đầu mối đã tổ chức nhiều hội thảo với sự tham gia của đại diện các cơ quan liên quan, các tổ chức, các chuyên gia và toàn bộ cán bộ Trung tâm để thu thập các ý kiến đóng góp hoàn thiện tài liệu.

Ban biên tập của Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai trân trọng cảm ơn sự đóng góp kỹ thuật của các cá nhân và tổ chức sau: dự án SCDM II gồm Tiến sĩ Đặng Quang Tính – Cố vấn kỹ thuật dự án, bà Nguyễn Anh Sơn – Quản đốc dự án, ông Nguyễn Huỳnh Quang – Điều phối viên dự án, ông Lã Quang Trung, Vũ Tuấn Anh – Cán bộ dự án; Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam gồm bà Bùi Việt Hiền – Cán bộ chương trình, bà Stacey Sawchuk – Cán bộ Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và Thích ứng với biến đổi khí hậu; Nhóm chuyên gia tư vấn gồm bà Nguyễn Phúc Hòa – Trưởng nhóm, bà Đỗ Vân Nguyệt – Chuyên gia nâng cao nhận thức cộng đồng và các cán bộ của Trung tâm Sống và Học tập vì Môi trường và Cộng đồng; Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai do nguyên Giám đốc Trung tâm, nguyên Giám đốc dự án SCDM II – Tiến sĩ Nguyễn Hữu Phúc và Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm, Giám đốc dự án SCDM II – Đặng Quang Minh và các cán bộ có liên quan của Trung tâm; Các cơ quan đồng thực hiện dự án gồm Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và tổ chức Oxfam Anh; Các cán bộ là các tập huấn viên cấp quốc gia của Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ các tỉnh Quảng Trị, Nghệ An, Cần Thơ,... đã trực tiếp tham gia hoàn thiện tập tài liệu này.

Tập tài liệu này nằm trong bộ tài liệu kiến thức về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng do Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành gồm:

1. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
2. Tài liệu kỹ thuật Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.
3. Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá việc thực hiện Đề án 1002.
4. Tài liệu Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (dành cho cấp xã).
5. Tài liệu Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (dành cho cấp xã).

Tài liệu này được biên soạn phục vụ triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của Chính phủ. Mọi sử dụng cho mục đích khác cần có sự đồng ý của Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai thuộc Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong lần tái bản này, Ban biên tập đã cố gắng khắc phục những lỗi thiết kế, in ấn và điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn không tránh khỏi sai sót, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai mong muốn tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của người sử dụng để sửa đổi và hoàn thiện.

Mọi ý kiến đóng góp cho tài liệu này xin gửi về địa chỉ sau: Ban biên tập – Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, Tầng 3, số 54, ngõ 102, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Điện thoại: 04. 37 33 56 86. Fax: 04. 37 33 66 47.

Trân trọng.

| | |
|---|-----------|
| Mục lục..... | i |
| Mục lục các bảng biểu..... | ii |
| Mục lục hình ảnh..... | ii |
| Danh mục từ viết tắt..... | iii |
| Giới thiệu tài liệu..... | iv |
| PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG..... | 1 |
| 1. Giải thích thuật ngữ..... | 2 |
| 2. Giới thiệu về Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng..... | 3 |
| 3. Yêu cầu của công tác Đánh giá RRTT-DVCD..... | 4 |
| PHẦN II: CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG..... | 8 |
| PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG..... | 14 |
| Công cụ 1: Thông tin sẵn có..... | 14 |
| Công cụ 2: Lịch sử thiên tai..... | 16 |
| Công cụ 3: Lịch theo mùa..... | 19 |
| Công cụ 4: Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai..... | 24 |
| Công cụ 5: Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai..... | 29 |
| Công cụ 6: Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai..... | 32 |
| Công cụ 7: Xếp hạng..... | 34 |
| Công cụ 8: Phân tích nguyên nhân..... | 37 |
| Công cụ 9: Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai..... | 39 |
| PHẦN IV: PHỤ LỤC VÀ BIỂU MẪU..... | 41 |
| Phụ lục 1. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng..... | 42 |
| Phụ lục 2. Đánh giá năng lực (nguồn lực) phòng, chống thiên tai..... | 46 |
| Phụ lục 3. Ba lĩnh vực và ba khía cạnh trong đánh giá RRTT-DVCD..... | 47 |
| Phụ lục 4. Lưu ý cho Nhóm hỗ trợ kỹ thuật..... | 49 |
| Phụ lục 5. Lưu ý khi đánh giá với nhóm người dễ bị tổn thương..... | 50 |
| Phụ lục 6. Mẫu thông tin cơ bản..... | 55 |
| Phụ lục 7. Danh mục các giải pháp phòng, chống thiên tai..... | 58 |
| Phụ lục 8. Mẫu báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai..... | 60 |
| Phụ lục 9. Ví dụ về kết quả đánh giá rủi ro thiên tai..... | 62 |
| 9.1. Công cụ Lịch sử thiên tai..... | 62 |
| 9.2. Công cụ Lịch theo mùa..... | 66 |
| 9.3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai (Minh họa Công cụ 4)..... | 69 |
| 9.4. Công cụ Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai..... | 71 |
| 9.5. Công cụ Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai..... | 72 |
| 9.6. Công cụ Xếp hạng..... | 75 |
| 9.7. Công cụ Phân tích nguyên nhân và Tổng hợp giải pháp PCTT..... | 76 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 77 |

MỤC LỤC CÁC BẢNG BIỂU

| | |
|---|----|
| Bảng 2.1: Lịch sử thiên tai..... | 17 |
| Bảng 2.2: Kết quả tổng hợp Công cụ 2..... | 18 |
| Bảng 3.1: Lịch theo mùa..... | 20 |
| Bảng 3.2: Kết quả tổng hợp Công cụ 3..... | 22 |
| Bảng 4.1: Kết quả tổng hợp Công cụ 4..... | 26 |
| Bảng 5.1: Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai..... | 30 |
| Bảng 5.2: Kết quả tổng hợp Công cụ 5..... | 30 |
| Bảng 6.1: Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai..... | 33 |
| Bảng 7.1: Xếp hạng (theo thôn/cụm thôn)..... | 35 |
| Bảng 7.2: Xếp hạng (theo địa bàn)..... | 36 |
| Bảng 8.1: Kết quả tổng hợp Công cụ 8..... | 38 |
| Bảng 9.1: Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai..... | 40 |

MỤC LỤC HÌNH ẢNH

| | |
|---|----|
| Ảnh 1: Giới thiệu đánh giá RRTT-DVCEĐ với người dân tại xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Nguồn: Bùi Thị Mai)..... | 1 |
| Ảnh 2: Kinh nghiệm phòng, chống thiên tai vùng lũ lụt (Nguồn: Hồ Văn Cử)..... | 3 |
| Ảnh 3: Người khuyết tật tham gia đánh giá RRTT-DVCEĐ (Nguồn: Malteser)..... | 5 |
| Ảnh 4: Trao đổi kết quả đánh giá RRTT-DVCEĐ ở Bản Hồ, Sa Pa, Lào Cai) (Nguồn: Live & Learn)..... | 12 |
| Ảnh 5: Công cụ Lịch sử thiên tai (Nguồn: Đoàn Minh Cường)..... | 16 |
| Ảnh 6: Người dân xây dựng Lịch theo mùa (Nguồn: Đoàn Minh Cường)..... | 19 |
| Ảnh 7: Lịch theo mùa tại cụm bản Thèn Luông, Nậm Ún, Huổi Pù, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (Nguồn: Lương Như Oanh – Oxfam Anh)..... | 20 |
| Ảnh 8: Liệt kê các hoạt động kinh tế xã hội, thiên tai thảo luận Lịch theo mùa tại thôn Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nguồn: Phạm Thị Đóa - DMC)..... | 21 |
| Ảnh 9: Người dân tham gia xây dựng sơ họa bản đồ RRTT (Nguồn: Nguyễn Đức Thiện)..... | 24 |
| Ảnh 10: Sơ họa bản đồ RRTT xã Tân Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (Nguồn: Phạm Thị Vân – Oxfam Anh)..... | 28 |
| Ảnh 11: Trao đổi trong nhóm nữ về điểm mạnh và yếu trong công tác PCTT (Nguồn: Live & Learn)..... | 29 |
| Ảnh 12: Trao đổi về điểm mạnh và yếu trong công tác PCTT (Nguồn: Hội chữ thập đỏ Đức)..... | 31 |
| Ảnh 13: Trình bày kết quả đánh giá RRTT-DVCEĐ (Nguồn: Live & Learn)..... | 32 |
| Ảnh 14: Nhóm phụ nữ xếp hạng RRTT quan tâm (Nguồn: Lương Như Oanh – Oxfam Anh)..... | 34 |
| Ảnh 15: Sơ họa bản đồ RRTT xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Nguồn: Nguyễn Đức Thiện)..... | 69 |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|--------------------|--|
| ATCĐ | An toàn cộng đồng |
| NKT | Người khuyết tật |
| NN&PTNT | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| NTKN | Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ |
| PCLB | Phòng chống lụt bão |
| PCTT | Phòng, chống thiên tai |
| RRTT-DVCD | Rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng |
| SKVSMT | Sức khỏe, vệ sinh môi trường |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TCXH | Tổ chức/xã hội |
| TKCN | Tìm kiếm cứu nạn |
| TTDBTT | Tình trạng dễ bị tổn thương |
| VC | Vật chất |

GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

Mục đích

Mục đích của Tài liệu hướng dẫn Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (Đánh giá RRTT-DVCD) là:

- Hướng dẫn cho các cán bộ cấp xã, cấp thôn và người dân tổ chức thực hiện đánh giá RRTT-DVCD.
- Giúp Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, nhóm cộng đồng và chính quyền địa phương hướng dẫn người dân xây dựng sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai, chủ động đề xuất các giải pháp, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai ở địa phương.

Đối tượng sử dụng

Tài liệu được biên soạn cho các đối tượng:

- Chính quyền các cấp đặc biệt là cấp xã; thôn/bản/ấp;
- Các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, Nhóm cộng đồng;
- Các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn xã;
- Người dân;
- Các cá nhân và tổ chức liên quan khác.

Cấu trúc tài liệu

Tài liệu hướng dẫn này gồm những phần chính sau:

- Phần I: Giới thiệu về đánh giá RRTT-DVCD. Phần này giải thích một số thuật ngữ, giới thiệu về Đánh giá RRTT-DVCD và một số yêu cầu trong đánh giá RRTT-DVCD.
- Phần II: Các bước đánh giá RRTT-DVCD. Phần này giới thiệu các bước thực hiện đánh giá RRTT-DVCD.
- Phần III: Hướng dẫn sử dụng công cụ đánh giá RRTT-DVCD. Phần này mô tả cụ thể một số công cụ sử dụng trong đánh giá RRTT-DVCD và đưa ra ví dụ minh họa, biểu mẫu ứng dụng, thực hành.
- Phần IV: Phụ lục và biểu mẫu. Phần này cung cấp một số ví dụ, biểu mẫu liên quan, những lưu ý khi tiến hành đánh giá và danh mục một số giải pháp phòng, chống thiên tai.

Phần I.

Giới thiệu về Đánh giá RRTT-DVCD

Giải thích thuật ngữ

Giới thiệu về Đánh giá RRTT-DVCD

Các yêu cầu trong Đánh giá RRTT-DVCD

Phần II.

Các bước đánh giá RRTT-DVCD

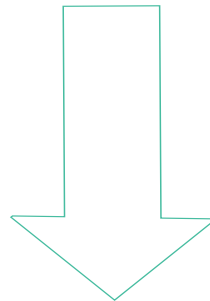
Bước 1. Chuẩn bị đánh giá

Bước 2. Thực hiện đánh giá

Bước 3. Tổng hợp và phân tích kết quả đánh giá

Bước 4. Kiểm chứng của người dân

Bước 5. Xây dựng báo cáo đánh giá



Phần III.

Hướng dẫn sử dụng công cụ đánh giá RRTT-DVCD

Công cụ thu thập thông tin:

- Thông tin sẵn có
- Lịch sử thiên tai
- Lịch theo mùa
- Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai

Công cụ phân tích thông tin:

- Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai
- Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai
- Xếp hạng
- Phân tích nguyên nhân
- Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Phần IV. Phụ lục và biểu mẫu

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG



Ảnh 1: Giới thiệu đánh giá RRTT-DVCD với người dân tại xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Nguồn: Bùi Thị Mai)

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thiên tai¹: là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

Rủi ro thiên tai (RRTT)²: là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

Ví dụ: Rủi ro thiên tai do bão gây ra có thể là nhà cửa bị tốc mái hoặc sập đổ; người dân bị thiệt mạng hoặc thương tích; thuyền đánh cá bị phá hỏng; cây trồng bị quật ngã, mùa màng thất thu, ...

Cấp độ rủi ro thiên tai: Là sự phân định mức độ thiệt hại do thiên tai áp thấp nhiệt đới, bão, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

Cấp độ rủi ro thiên tai được xác định cho từng loại thiên tai và công bố cùng nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai, làm cơ sở cho việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó với thiên tai.

Rủi ro thiên tai được phân cấp đối với từng loại thiên tai, căn cứ vào cường độ, phạm vi ảnh hưởng, khu vực chịu tác động trực tiếp và khả năng gây thiệt hại của thiên tai.

Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014.

Biến đổi khí hậu (BĐKH): là sự thay đổi của khí hậu diễn ra trong một khoảng thời gian dài, do nguyên nhân tự nhiên và/hoặc hoạt động của con người.

Ví dụ: Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải phát thải vào khí quyển một lượng lớn các khí nhà kính. Sử dụng nguồn nguyên liệu hóa thạch (than, dầu, khí đốt); khói bụi từ các nhà máy nhiệt điện, lò gạch, xe cơ giới, đốt rơm rạ, chặt phá rừng, bãi tập trung rác thải, ...

Tình trạng dễ bị tổn thương (TTDBTT)³: là những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, môi trường hoặc tài sản dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ thiên tai.

Ví dụ: Người dân xây dựng nhà, công trình ở những khu vực dễ xảy ra sạt lở, lũ quét; khu vực có nhiều nhà tạm, nhà cấp 4 trong vùng bão, lũ; ngư dân đánh bắt thủy hải sản thiếu trang thiết bị đảm bảo an toàn, ...

Năng lực phòng, chống thiên tai: là tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh, và các điều kiện và đặc tính sẵn có trong cộng đồng, tổ chức và xã hội có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Năng lực ứng phó (tổ chức di dời kịp thời, diễn tập, tổ chức thành lập các nhóm ứng phó nhanh, cứu hộ); Hệ thống công trình (nhà kiên cố, hệ thống đê điều); ý thức, kinh nghiệm, kỹ năng của cộng đồng và người dân.

Cộng đồng: (sử dụng trong tài liệu này) bao gồm những nhóm người dân sống trong cùng một làng xã, thôn/bản/ấp.

Đối tượng dễ bị tổn thương⁴: là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh (yếu tố) khiến họ có khả năng phải chịu

⁽¹⁾ Luật phòng, chống thiên tai

⁽²⁾ Luật phòng, chống thiên tai

⁽³⁾ Thuật ngữ về giảm nhẹ rủi ro thiên tai (UNISDR, 2009)

⁽⁴⁾ Luật phòng, chống thiên tai

nhiều tác động bất lợi hơn từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

Mối quan hệ giữa rủi ro thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai:

Khi thiên tai xảy ra, thiệt hại tại một địa phương có thể lớn hoặc nhỏ và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: đặc điểm thiên tai xảy ra, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai.

- Rủi ro thiên tai (mức độ thiệt hại có thể xảy ra) sẽ tăng lên nếu thiên tai tác động đến một cộng đồng có nhiều yếu tố dễ bị tổn thương và có năng lực phòng, chống thiên tai yếu hoặc hạn chế
- Rủi ro thiên tai sẽ giảm nếu cộng đồng đó có năng lực phòng, chống thiên tai tốt hơn.

Mối quan hệ giữa rủi ro thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai được thể hiện qua biểu thức sau:

Cấp độ thiên tai & Tình trạng dễ bị tổn thương



Do đó, để giảm rủi ro thiên tai, một cộng đồng có thể thực hiện các biện pháp làm giảm TTDBTT và nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai.

Ví dụ đối với trường hợp thiên tai là bão được minh họa như sau:

Cường độ của bão & Tình trạng dễ bị tổn thương



2. GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

2.1. Khái niệm

Đánh giá RRTT-DVCD là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin có sự tham gia của người dân về: các loại hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai tại địa phương nhằm xác định mức độ rủi ro thiên tai của cộng đồng.

2.2. Mục đích

Đánh giá RRTT-DVCD nhằm giúp các cấp chính quyền, người dân, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng:

- Xác định những thiên tai đã và có nguy cơ xảy ra tại các khu vực trên địa bàn;
- Xác định được các yếu tố dễ bị tổn thương của cộng đồng trước thiên tai;



Ảnh 2: Kinh nghiệm phòng, chống thiên tai vùng lũ lụt (Nguồn: Hồ Văn Cừ)

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

- Xác định được năng lực phòng, chống thiên tai của cộng đồng;
- Xác định các rủi ro thiên tai và thứ tự ưu tiên để tìm ra các giải pháp phù hợp, trong đó lưu ý tới nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

Kết quả đánh giá trên sẽ giúp:

- Cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch phòng, chống thiên tai và là cơ sở lồng ghép vào các kế hoạch phát triển của địa phương, ví dụ như: Kế hoạch phòng, chống thiên tai; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;
- Nâng cao nhận thức và năng lực cho người dân và cán bộ địa phương về phòng, chống thiên tai.

3. YÊU CẦU CỦA CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ RRTT-DVCD

3.1. Thành phần tham gia

- Đại diện lãnh đạo cấp xã;
- Đại diện các ban ngành/đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội tại xã;
- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng⁵ (Chi tiết về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của 2 nhóm này tham khảo Phụ lục 1, trang 42);
- Người dân: Thành phần người dân tham gia cần có đủ đại diện nam nữ, độ tuổi, mức sống, ngành nghề, tôn giáo, địa bàn dân cư, ... Có sự tham gia của đại diện các nhóm dân cư, nhóm đối tượng dễ bị tổn thương (người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật, người nghèo, người dân tộc thiểu số, ...).

3.2. Thời gian cần thực hiện đánh giá

- Hàng năm trước mùa thiên tai; hoặc
- Trước khi lập kế hoạch phòng chống thiên tai, hoặc kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã.

3.3. Nguyên tắc đánh giá

- Đảm bảo tính chủ động và huy động được sự tham gia tích cực của chính quyền và người dân;
- Mọi ý kiến đều được ghi nhận;
- Có xét đến tác động của biến đổi khí hậu;

Việc thu thập thông tin cần được tiến hành từ dưới lên (thôn, xã);

- Đảm bảo bình đẳng giới và có sự tham gia của các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương;
- Các thông tin cần cụ thể, được kiểm chứng và đối chiếu;
- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật chủ trì và phối hợp với nhóm cộng đồng hướng dẫn để người dân tham gia đóng góp ý kiến, thảo luận, đánh giá, phân tích, xác định ưu tiên và đưa ra giải pháp; kết hợp lồng ghép nâng cao nhận thức cho người dân trong quá trình đánh giá.

⁽⁵⁾ Tham khảo phụ lục 1 về Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng, bao gồm việc thành lập và nhiệm vụ đánh giá RRTT-DVCD, trích dẫn theo Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ



Ảnh 3: Người khuyết tật tham gia đánh giá RRTT-DVCD (Nguồn: Malteser)

3.4. Nội dung đánh giá

Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng bao gồm các nội dung: (i) đánh giá các loại hình thiên tai và xếp loại nguy hiểm, (ii) đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, (iii) đánh giá năng lực phòng chống thiên tai và (iv) đánh giá nhận thức về rủi ro của người dân.

a. Đánh giá các loại hình thiên tai và xếp loại nguy hiểm

Đánh giá các loại hình thiên tai và xếp loại nguy hiểm là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về các loại hình thiên tai và xem xét tới mức độ nguy hiểm thường xảy ra tại địa phương trong những năm gần đây (5-10 năm) và các thiên tai lịch sử.

Thông tin cần thu thập, tổng hợp và phân tích bao gồm:

- Xác định loại hình thiên tai và tác động đã xảy ra ở địa phương;
- Phân tích đặc điểm của từng loại thiên tai theo một số tiêu chí: thời gian xảy ra, dấu hiệu báo trước, số lần xuất hiện, mức độ tác động, tính bất thường, nguyên nhân gây ra thiên tai và xu hướng tăng/giảm của các loại thiên tai, và mức độ nguy hiểm của các loại hình đó, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu;
- Nhận định tình hình, xu hướng thiên tai trong thời gian tới.

b. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về các nhóm dân cư,

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội nào đang ở trong điều kiện không an toàn, dễ bị thiệt hại do từng loại thiên tai gây ra.

- Tiến hành phân tích những nguyên nhân cơ bản (trực tiếp, gián tiếp, chủ quan, khách quan, ...), nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương.
- Các thông tin thu thập cần tách biệt số liệu nam, nữ và các đối tượng dễ bị tổn thương.
- Xác định các công trình hạ tầng xung yếu như đê điều, hồ đập, đường, trạm, trại, nơi trú ẩn neo đậu tàu thuyền, ...
- Xác định các khu vực dễ bị tổn thương như nhà tạm của các khu dân cư, các công trình công cộng chưa được kiên cố,
- Xác định các hoạt động dễ bị tổn thương như đánh bắt thủy hải sản nhưng thiếu trang thiết bị an toàn, vớt củi gỗ trên sông trong khi có lũ cao, người dân cố tình ở lại các chòi canh nuôi trồng thủy sản khi có bão,

c. Đánh giá năng lực phòng, chống thiên tai

Đánh giá năng lực phòng, chống thiên tai của cộng đồng là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin về nguồn lực (con người, cơ sở vật chất, tài chính), giải pháp công trình, phi công trình trên địa bàn.

Đánh giá các kinh nghiệm, kỹ năng sẵn có của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng có thể thực hiện trước, trong và sau thiên tai theo phương châm bốn tại chỗ;

Xác định các nguồn lực này ở đâu, do ai đang quản lý, cách sử dụng và tổ chức huy động như thế nào (Tham khảo Phụ lục 2, trang 46).

d. Đánh giá nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Đánh giá nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin về sự hiểu biết của họ trong công tác phòng, chống thiên tai và những kinh nghiệm ứng phó của họ với thiên tai.

Chú ý:

Trong đánh giá rủi ro thiên tai cần thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin theo 3 lĩnh vực: (i) An toàn cộng đồng; (ii) Sức khỏe, vệ sinh, môi trường; (iii) Sản xuất/kinh doanh.

Khi đánh giá TTDBTT và năng lực phòng, chống thiên tai mỗi lĩnh vực trên được đánh giá với 3 khía cạnh: (i) Vật chất, ((ii) Tổ chức/xã hội, (iii) Nhận thức, Kinh nghiệm, Thái độ, động cơ. (Chi tiết xem Phụ lục 3, trang 47).

3.5. Các công cụ đánh giá

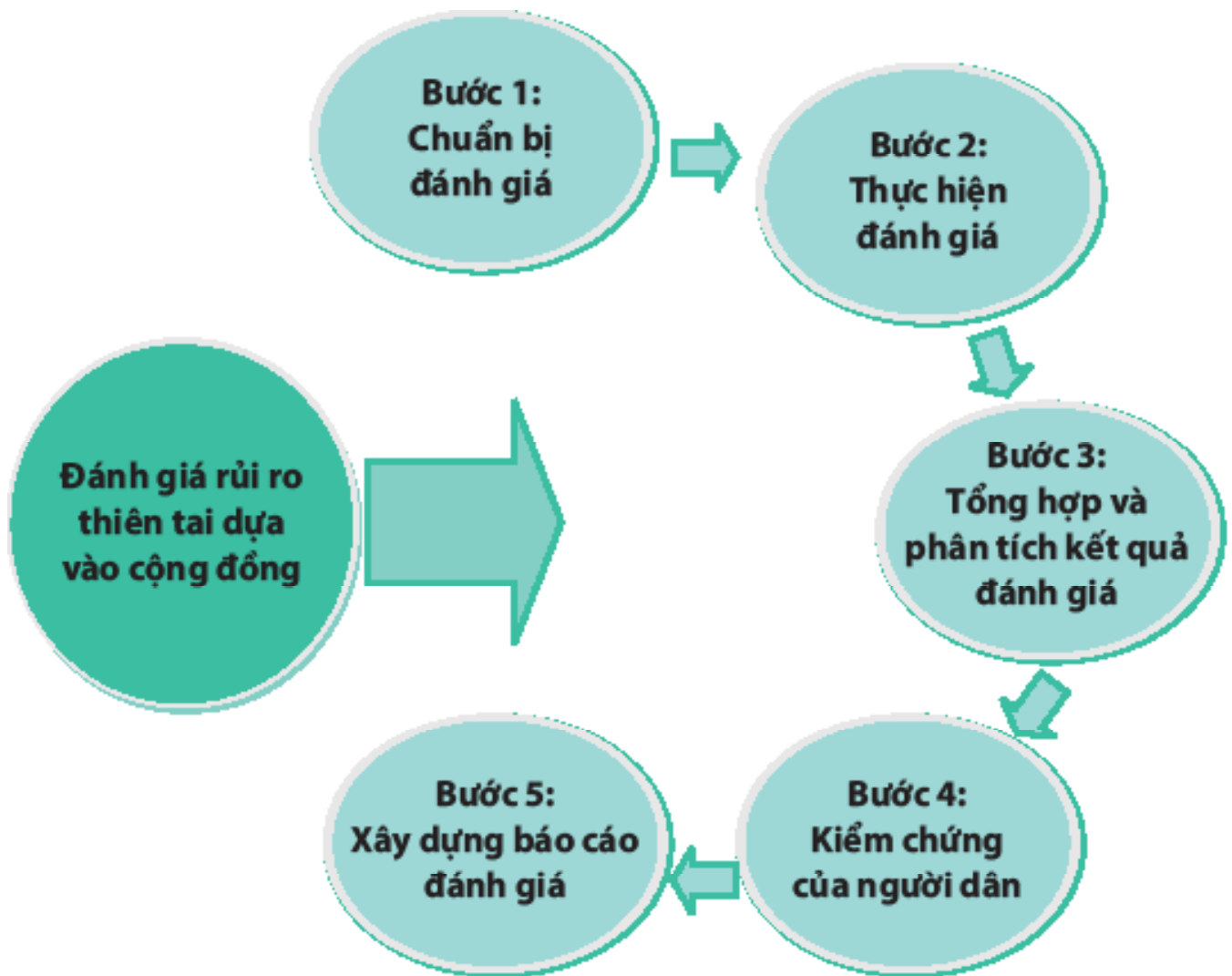
Có 9 công cụ được sử dụng trong đánh giá, bao gồm: **Công cụ 1:** Thông tin sẵn có; **Công cụ 2:** Lịch sử thiên tai; **Công cụ 3:** Lịch theo mùa; **Công cụ 4:** Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai; **Công cụ 5:** Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai; **Công cụ 6:** Tổng hợp rủi ro thiên tai; **Công cụ 7:** Xếp hạng; **Công cụ 8:** Phân tích nguyên nhân; **Công cụ 9:** Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai.

Dưới đây là bảng tóm tắt nội dung của các công cụ đánh giá:

| TT | Công cụ | Nội dung |
|-----------|--|---|
| 1 | Thông tin sẵn có | Thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin sẵn có từ các báo cáo, dữ liệu về những thiên tai đã xảy ra tại địa phương và các thông tin liên quan. |
| 2 | Lịch sử thiên tai | Thu thập thông tin về các loại thiên tai đã xảy ra (5-10 năm gần đây) và những thiên tai lịch sử; thiệt hại do thiên tai, xu hướng và những kinh nghiệm phòng, chống thiên tai của địa phương. |
| 3 | Lịch theo mùa | Thu thập thông tin về thời gian thực hiện các hoạt động kinh tế, xã hội; về mùa thiên tai trong năm và xu hướng thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu. Từ đó, nhận biết tác động của thiên tai đến các hoạt động trên và kinh nghiệm phòng, chống thiên tai của người dân. |
| 4 | Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai | Xác định các khu vực nguy hiểm và khu vực an toàn tại địa phương đối với từng loại thiên tai. |
| 5 | Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai | Thu thập ý kiến đánh giá điểm mạnh, điểm yếu trong công tác phòng, chống thiên tai của người dân và các tổ chức đoàn thể liên quan. |
| 6 | Tổng hợp rủi ro thiên tai | Xây dựng Bảng tổng hợp rủi ro thiên tai: Sử dụng kết quả của các công cụ thu thập thông tin để tổng hợp và phân tích về: thiên tai, xu hướng thiên tai, TTDBTT, năng lực và rủi ro thiên tai (Chi tiết xem Bảng 6.1, trang 33). |
| 7 | Xếp hạng | Xác định các rủi ro, vấn đề, quan tâm ưu tiên, giải pháp của người dân tại địa phương. |
| 8 | Phân tích nguyên nhân | Xác định những nguyên nhân sâu xa của các rủi ro/vấn đề và những quan tâm cần giải quyết. |
| 9 | Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai | Xây dựng Bảng tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai: Xác định những giải pháp phòng, chống thiên tai phù hợp với địa phương (Chi tiết xem Bảng 9.1, trang 40). |

Mỗi loại hình thiên tai đều phải thực hiện 9 công cụ này để bảo đảm thu thập đầy đủ thông tin và có cơ sở để phân tích các thông tin cho từng loại thiên tai.

PHẦN II: CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG



1. BƯỚC 1: CHUẨN BỊ ĐÁNH GIÁ

1.1. Kết quả mong đợi

- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng được tập huấn và được phân công trách nhiệm rõ ràng;
- Kế hoạch thực hiện đánh giá được xây dựng, phê duyệt và thông báo tới người dân.

1.2. Thời gian thực hiện: Trước khi đánh giá 3 tuần

1.3. Các hoạt động cụ thể:

- Tập huấn cho nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng:

UBND cấp xã tổ chức tập huấn cho 2 nhóm này về mục đích và nội dung đánh giá; các công cụ đánh giá; kỹ năng thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin; kỹ năng hướng dẫn người dân xác định và phân tích rủi ro, lựa chọn giải pháp, lập kế hoạch phòng, chống thiên tai.

- Chuẩn bị và thống nhất kế hoạch đánh giá rủi ro thiên tai:

Lựa chọn đối tượng tham gia đánh giá RRTT-DVCD ở thôn chịu ảnh hưởng của thiên tai (xem Phần I, mục 3.1): 20-30 người bao gồm đại diện các tổ chức trong thôn, đại diện người dân (khuyến khích ít nhất 30% là nữ giới và có đại diện nhóm dễ bị tổn thương: người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em...).

Xác định thời gian và địa điểm đánh giá: Thời gian phù hợp với người dân, địa điểm thuận tiện, có đủ không gian để các nhóm thảo luận.

Phân công trách nhiệm cho các thành viên trong Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng. Mỗi khi tiến hành đánh giá ở mỗi thôn cần có ít nhất 2 người từ Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cùng với sự hỗ trợ của Nhóm cộng đồng. Mỗi công cụ cần có ít nhất 2 người: 1 người hướng dẫn, 1 người ghi chép (xem Phụ lục 4, trang 49).

Chuẩn bị cụ thể về nội dung và công cụ đánh giá, đặc biệt các lưu ý khi đánh giá đối tượng dễ bị tổn thương (xem Phụ lục 5, trang 50).

- Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Kế hoạch thực hiện đánh giá.
- Thông báo nội dung và kế hoạch đánh giá tới người dân.
- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện hậu cần để đánh giá:

Chuẩn bị hậu cần, văn phòng phẩm (giấy A0, A4, bút, phấn...). Và chuẩn bị sẵn một số bảng mẫu đánh giá (xem Bảng từ 2.1 đến 9.1 trong Phần III).

2. BƯỚC 2: THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

2.1. Kết quả mong đợi

- Người dân chủ động tham gia vào đánh giá rủi ro thiên tai;
- Các thông tin về thiên tai, TTDBTT, năng lực phòng, chống thiên tai và rủi ro thiên tai được thu thập thông qua các công cụ đánh giá rủi ro thiên tai.

2.2. Thời gian thực hiện: ít nhất 2 ngày ở cấp thôn.

PHẦN II: CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

2.3. Các hoạt động cụ thể:

- Tham khảo các thông tin sẵn có: sử dụng mẫu Thông tin cơ bản (Phụ lục 6, trang 55) để thu thập thông tin từ các tài liệu có liên quan đến công tác quản lý thiên tai.
- Tổ chức họp với người dân tham gia đánh giá để thu thập thông tin về thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực và nhận thức của người dân:

Giới thiệu mục đích và nội dung đánh giá (họp toàn thể, ít nhất 60 phút)

Thực hiện công cụ Lịch sử thiên tai (họp toàn thể, ít nhất 90 phút)

Chia nhóm (theo nhóm đại diện và nhóm dễ bị tổn thương) thực hiện các công cụ: Lịch theo mùa, Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai (ít nhất 60 phút/nhóm). Mỗi nhóm trình bày kết quả và mời nhóm khác bổ sung ý kiến (ít nhất 30 phút)

Thực hiện công cụ Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai (họp toàn thể, ít nhất 60 phút)

- Trao đổi tiếp xúc với các hộ gia đình (mỗi thôn ít nhất 10 hộ) để bổ sung thông tin.

3. BƯỚC 3: TỔNG HỢP VÀ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

3.1. Kết quả mong đợi

- Các thông tin được tổng hợp, đối chiếu, phân tích và so sánh nhằm xác định giải pháp, lập kế hoạch phòng, chống thiên tai;
- Người dân tham gia vào xếp hạng rủi ro thiên tai, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp.

3.2. Thời gian thực hiện: ít nhất 1 ngày ở cấp thôn.

3.3. Các hoạt động cụ thể:

- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng tổng hợp thông tin và dự kiến các giải pháp phù hợp:

Tổng hợp các kết quả thảo luận về thiên tai, xu hướng, tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực phòng, chống thiên tai và rủi ro thiên tai. Xây dựng Bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai (Bảng 6.1, trang 33) (30 phút từ mỗi công cụ và 60 phút cho tổng hợp)

Bước đầu dự kiến các giải pháp phù hợp, tham khảo các giải pháp phòng, chống thiên tai (Phụ lục 7, trang 58).

- Cùng người dân thảo luận để tìm ra các rủi ro thiên tai và xếp hạng theo thứ tự ưu tiên:

Giới thiệu Bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai.

Thực hiện công cụ Xếp hạng. Chia nhóm (theo nhóm đại diện và nhóm dễ bị tổn thương) và hướng dẫn họ xếp hạng RRTT (họp nhóm, ít nhất 30 phút). Mỗi nhóm trình bày kết quả và bổ sung ý kiến của các nhóm khác (họp toàn thể, ít nhất 15 phút).

- Tìm ra nguyên nhân dẫn đến các rủi ro và đưa ra được các giải pháp phù hợp để lập kế hoạch phòng chống thiên tai cho cấp thôn, xã:

Chia nhóm và hướng dẫn người dân Phân tích nguyên nhân (họp nhóm, ít nhất 45 phút). Mỗi nhóm trình bày kết quả và bổ sung ý kiến của các nhóm khác (họp toàn thể, ít nhất 15 phút).

Hướng dẫn người dân đề xuất, xây dựng và xếp hạng Giải pháp phòng, chống thiên tai (họp toàn thể, 90 phút): Các giải pháp được xây dựng dựa trên cơ sở chuyển đổi TTBDTT, nguyên nhân thành Năng lực. Từ đó, xây dựng Bảng tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai.

4. BƯỚC 4: KIỂM CHỨNG CỦA NGƯỜI DÂN

4.1. Kết quả mong đợi

- Kết quả đánh giá được trao đổi công khai với đại diện người dân chưa tham gia đánh giá.

4.2. Thời gian thực hiện: ít nhất 0,5 ngày ở cấp thôn.

4.3. Các hoạt động cụ thể:

- Trình bày kết quả đánh giá, bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai và giải pháp phòng, chống thiên tai:

Mời 20-30 đại diện các hộ gia đình (1 người/hộ, ưu tiên nữ và người dễ bị tổn thương) trong thôn tham gia họp.

Lưu ý: đây là hoạt động kiểm chứng thông tin, vì vậy người dân tham gia lần này sẽ không trùng lặp với người dân đã tham gia đánh giá trước đó và đảm bảo sự tham gia của người dân. Đặc biệt lưu ý về ý kiến của nhóm người dễ bị tổn thương (Phụ lục 5, trang 50).

Trình bày kết quả đánh giá, bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai và giải pháp phòng, chống thiên tai.

- Mời người dân bổ sung ý kiến về kết quả đánh giá và các giải pháp. Cập nhật Bảng tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai cấp xã (xem Mục 4 và 5, Công cụ 9 trang 39).

5. XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

5.1. Kết quả mong đợi

- Báo cáo đánh giá RRTT-DVCD cấp xã được hoàn thành với ý kiến đóng góp của chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, các bên liên quan và đại diện các thôn.

5.2. Thời gian thực hiện: 1-3 tuần sau khi đánh giá RRTT-DVCD.

5.3. Các hoạt động cụ thể

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật xã lập Báo cáo đánh giá của xã dựa trên các kết quả đánh giá của thôn:

Từ các kết quả đánh giá RRTT-DVCD cấp thôn, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật xã tổng hợp các thông tin từ cấp thôn thành báo cáo đánh giá RRTT-DVCD cấp xã (Phụ lục 8, trang 60).

Chuẩn bị báo cáo với chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, các bên liên quan và đại diện các thôn về kết quả đánh giá RRTT-DVCD.

- Trình bày dự thảo Báo cáo, tiếp thu ý kiến của lãnh đạo xã, các ban, ngành, đoàn thể, các bên liên quan và đại diện các thôn.
- Hoàn thiện Báo cáo đánh giá RRTT-DVCD (Phụ lục 8, trang 60).
- Phê duyệt báo cáo: UBND xã ký, đóng dấu và chia sẻ cho các ngành, các cấp, các bên liên quan, và sử dụng báo cáo này làm cơ sở xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của xã.

PHẦN II: CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG



Ảnh 4: Trao đổi kết quả đánh giá RRTT-DVCD ở Bản Hồ, Sa Pa, Lào Cai (Nguồn: Live & Learn)

Chương trình thực hiện đánh giá tham khảo bảng dưới đây:

| Các bước | Địa điểm | Thời gian | Thành phần tham gia/ Chủ trì thực hiện | Đầu ra |
|---|----------|-------------------------------|--|---|
| 1. Chuẩn bị đánh giá | | | | |
| Tập huấn cho Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng | UBND xã | Trước khi đánh giá 2 – 3 tuần | Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng/UBND xã | Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng có kỹ năng triển khai và thực hiện các công cụ đánh giá |
| Chuẩn bị và thống nhất kế hoạch đánh giá | UBND xã | Trước khi đánh giá 1 – 2 tuần | Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, Nhóm cộng đồng và UBND xã/Nhóm hỗ trợ kỹ thuật | Kế hoạch chi tiết đánh giá được hoàn thiện và thống nhất |
| Thông báo nội dung và kế hoạch làm việc tới người dân | Các thôn | Trước khi đánh giá 1 – 2 tuần | Người dân/UBND xã và lãnh đạo thôn | Nội dung và kế hoạch chi tiết về đợt đánh giá được thông báo tới người dân (đặc biệt những người được mời cung cấp thông tin) |
| Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện hậu cần để đánh giá | UBND xã | Trước khi đánh giá 1 – 2 tuần | Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng/Nhóm hỗ trợ kỹ thuật | Dụng cụ, phương tiện và hậu cần được tập kết đầy đủ |

| 2. Thực hiện đánh giá | | | | |
|--|--------------------|--|--|--|
| Thu thập thông tin sẵn có | Xã, thôn | Trước và trong khi thực hiện đánh giá | Các nguồn cung cấp thông tin khác nhau/Nhóm hỗ trợ kỹ thuật | Bảng thông tin sẵn có theo mẫu được hoàn thiện đầy đủ thông tin (Công cụ 1) |
| Tổ chức họp với người dân tham gia đánh giá để thu thập thông tin | Thôn | 1,5 ngày | Người dân tham gia đánh giá/Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng | Thu thập thông tin để hoàn chỉnh Bảng tổng hợp các Công cụ 2,3,4,5. |
| Trao đổi tiếp xúc với các hộ gia đình | Thôn | 0,5 ngày | Các hộ gia đình/Nhóm hỗ trợ kỹ thuật | Bảng tổng hợp phỏng vấn nhóm đặc thù |
| 3. Tổng hợp kết quả đánh giá | | | | |
| Tổng hợp thông tin và dự kiến giải pháp | Thôn | 0,5 ngày | Nhóm cộng đồng/Nhóm hỗ trợ kỹ thuật | Bảng tổng hợp Công cụ 6 và tổng hợp Công cụ 8, 9 |
| Tìm ra các rủi ro thiên tai và xếp hạng theo thứ tự ưu tiên. Tìm ra nguyên nhân và đề xuất xếp hạng giải pháp phòng chống thiên tai cho thôn, xã | Thôn | 0,5 ngày | Những người dân tham gia đánh giá/Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng | Bảng tổng hợp xếp hạng RRTT (từ Công cụ 6 sử dụng Công cụ 7 để xếp hạng). Bảng tổng hợp nguyên nhân (Công cụ 8). Bảng tổng hợp xếp hạng giải pháp (Từ kết quả Công cụ 9 và xếp hạng dựa trên Công cụ 7). |
| 4. Kiểm chứng của người dân | | | | |
| Kiểm chứng của đại diện người dân trong cụm thôn/xã | Thôn/xã | 0,5 ngày | Đại diện người dân trong thôn (chưa tham gia trong quá trình thu thập thông tin)/Nhóm hỗ trợ kỹ thuật xã và Nhóm cộng đồng | Các bảng tổng hợp xếp hạng RRTT, Bảng tổng hợp xếp hạng giải pháp Bảng các giải pháp và kế hoạch hành động |
| 5. Xây dựng báo cáo đánh giá | | | | |
| Tổng hợp thông tin và chuẩn bị báo cáo | UBND xã | Trong vòng 1 tuần kể từ khi hoàn thành đánh giá cấp thôn | Nhóm hỗ trợ kỹ thuật xã | Tổng hợp các thông tin từ các bảng tổng hợp công cụ đưa vào đưa vào báo cáo |
| Báo cáo kết quả, lấy ý kiến của lãnh đạo xã và các ban ngành liên quan | Hội trường UBND xã | Trong vòng 2 tuần kể từ khi hoàn thành đánh giá cấp thôn | Đại diện chính quyền, các ban ngành liên quan và các tổ chức chính trị-xã hội và đại diện các thôn/Nhóm hỗ trợ kỹ thuật xã | Báo cáo được hoàn chỉnh, chia sẻ với đại diện lãnh đạo xã lấy ý kiến bổ sung, đóng góp điều chỉnh. |
| Hoàn thành báo cáo | UBND xã | Trong vòng 3 tuần kể từ khi hoàn thành đánh giá cấp thôn | Nhóm hỗ trợ kỹ thuật xã | Báo cáo được hoàn thiện |
| Phê duyệt báo cáo | UBND xã | Trong vòng 2 tuần trước khi lập kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm | Lãnh đạo cấp xã | Báo cáo được phê duyệt, chia sẻ với Ban chỉ huy PCTT huyện, tỉnh |

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Dưới đây là danh mục các công cụ sử dụng để thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin tại cộng đồng. Lưu ý sử dụng các công cụ này theo trình tự đã liệt kê để thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin một cách hệ thống.

| TT | Công cụ | Tổng hợp thông tin từ các công cụ đánh giá | | | | |
|----|--|--|------------------------|--------|----------|------------------|
| | | Thiên tai | Xu hướng của thiên tai | TTDBTT | Năng lực | Rủi ro thiên tai |
| 1 | Thông tin sẵn có | x | x | x | x | x |
| 2 | Lịch sử thiên tai | x | x | x | x | x |
| 3 | Lịch theo mùa | x | x | x | x | x |
| 4 | Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai | x | | x | x | x |
| 5 | Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai | | | x | x | |
| 6 | Tổng hợp rủi ro thiên tai | x | x | x | x | x |
| 7 | Xếp hạng | x | | x | | x |
| 8 | Phân tích nguyên nhân | | | x | | |
| 9 | Tổng hợp giải pháp | x | x | x | x | x |

CÔNG CỤ 1: THÔNG TIN SẴN CÓ

Mục tiêu:

Thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin sẵn có từ các báo cáo, dữ liệu về những thiên tai đã xảy ra tại địa phương và các thông tin liên quan. Những thông tin này giúp cho việc diễn giải chính xác và thiết lập các mối quan hệ giữa kết quả thu được từ các công cụ khác.

Thời gian:

Trước và trong khi tiến hành đánh giá RRTT-DVCD.

Dụng cụ cần chuẩn bị:

Giấy hoặc sổ ghi chép, bút. Chuẩn bị theo mẫu Thông tin cơ bản (Phụ lục 6, trang 55).

Các bước thực hiện:

Có thể thu thập các thông tin sẵn có về cộng đồng như sau:

- Lên kế hoạch, nội dung về thông tin cần thu thập. Không nên giới hạn các nguồn thông tin sẵn có ở các tài liệu về cộng đồng, mà cần bao gồm các nguồn thông tin ở bên ngoài có liên quan đến nội dung đánh giá. Có thể là các bản đồ rủi ro hoặc thông tin về biến đổi khí hậu và những thay đổi trong sử dụng đất có thể ảnh hưởng đến dòng chảy của sông, các kế hoạch, cơ sở hạ tầng có liên quan, ...
- Xác định các nguồn thông tin đa dạng từ Văn phòng UBND xã, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã, huyện, thư viện cộng đồng, báo chí, các nguồn tài liệu khác, văn phòng tổ chức quần chúng, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan kỹ thuật cũng như những người hiểu biết trong thôn.
- Rà soát lại các dữ liệu đang có về cộng đồng và xác định xem cần bổ sung thông tin gì. Phân tích dữ liệu này và xác định cần thu thập thêm thông tin gì trong cộng đồng trong quá trình đánh giá. Cần kiểm chứng các thông tin sẵn có tại hiện trường.
- Chia sẻ các thông tin sẵn có với người dân trong các cuộc họp thôn cũng như ở văn phòng ủy ban nhân dân xã để kiểm tra tính xác thực và đúng đắn.

Lưu ý đặc biệt đến các nhóm dễ bị tổn thương:

Xác định số người dễ bị tổn thương (có phân chia theo nhóm tuổi, nam/nữ).

Thông tin về các nhóm dễ bị tổn thương (các hoạt động của họ, dịch vụ hỗ trợ hiện có và những vấn đề mà họ đang gặp phải).

Lưu ý đặc biệt đến biến đổi khí hậu:

Cần kết hợp thông tin từ các nguồn thông tin sẵn có với các thông tin thu thập từ người dân địa phương trong quá trình đánh giá để xây dựng được một bức tranh rõ hơn về mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu toàn cầu và tác động của nó ở địa phương theo thời gian.

Xác định thông tin quan trọng về thời tiết, tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu ở cấp độ huyện và tỉnh (trong đó có cả các xã sẽ đánh giá) để thu thập và phân tích các tài liệu liên quan như bài báo, nghiên cứu, báo cáo. Các thông tin này có thể nhấn mạnh tác động của các xu hướng đối với nông nghiệp, nguồn nước và các sinh kế khác, ...

Thu thập các tài liệu khoa học dự báo xu hướng và khả năng tác động của biến đổi khí hậu trong vùng. Các bản đồ, bản vẽ, sơ đồ địa lý và kinh tế xã hội.

Lưu ý đặc biệt đến bối cảnh khu vực đô thị, miền núi, biển và hải đảo

Thông tin sẵn có có thể cho một cái nhìn bao quát tốt về sự hình thành, di dân, mật độ và phân bố dân số ở khu vực. Có thể thu thập các tài liệu này từ chính quyền cấp xã hoặc huyện.

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

CÔNG CỤ 2: LỊCH SỬ THIÊN TAI



Ảnh 5: Công cụ Lịch sử thiên tai (Nguồn: Đoàn Minh Cường)

Mục tiêu:

Thu thập thông tin về các loại thiên tai đã xảy ra (5-10 năm gần đây) và những thiên tai lịch sử; thiệt hại do thiên tai, xu hướng và những kinh nghiệm phòng, chống thiên tai của địa phương.

Thời gian dự kiến:

90 phút thu thập thông tin từ người dân và 30 phút tổng hợp và phân tích thông tin trong Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng.

Dụng cụ cần chuẩn bị:

Bảng to hoặc giấy khổ lớn A0, bút viết, phấn, thước kẻ. Chuẩn bị sẵn Bảng 2.1.

Tham khảo ví dụ về công cụ Lịch sử thiên tai và Kết quả tổng hợp từ Công cụ Lịch sử thiên tai (Phụ lục 9.1, trang 62).

Bảng 2.1: Lịch sử thiên tai

| Năm (Tháng) | Loại thiên tai | Đặc điểm và xu hướng của thiên tai | Khu vực chịu thiệt hại | Thiệt hại gì? Mức độ thiệt hại? (An toàn cộng đồng, sản xuất kinh doanh, vệ sinh môi trường, tác động đến con người...) | Tại sao bị thiệt hại? (nguyên nhân về vật chất; tổ chức/xã hội; nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ...) | Đã làm gì để phòng, chống thiên tai? (chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tu bổ hệ thống công trình phòng chống thiên tai, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng,...) |
|-------------|----------------|------------------------------------|------------------------|---|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Các bước thực hiện

1. Chuẩn bị:

Tìm một địa điểm thích hợp cho nhóm làm việc. Kê sẵn bảng Lịch sử thiên tai (Bảng 2.1) trên giấy khổ A0.

2. Giới thiệu:

Giải thích cho người tham gia về công cụ Lịch sử thiên tai.

3. Người dân xác định những thiên tai đã xảy ra tại địa phương và các thông tin liên quan:

- Những thiên tai nào đã xảy ra? Vào năm (tháng) nào? Điền vào cột (1) và (2).
- Với từng loại thiên tai, xác định các thông tin cụ thể như sau:
- Đặc điểm từng loại thiên tai (Lượng mưa, nhiệt độ, sức gió, mực nước, thời gian diễn ra...)? Có những thay đổi gì về xu hướng thiên tai? Điền vào cột (3).
- Thiên tai đó ảnh hưởng tới khu vực nào tại địa phương? Điền vào cột (4).
- Thiên tai đó đã gây ra những thiệt hại gì (về ATCD, SXKD, SKVSMT)? Mức độ thiệt hại cụ thể đối với con người bao gồm nam, nữ và các nhóm dễ bị tổn thương? Những hộ gia đình nào bị thiệt hại nhiều nhất? Điền vào cột (5).
- Tại sao lại có những thiệt hại đó (do nguyên nhân cụ thể nào về VC, TCXH, NTKN)? Điền vào cột (6).
- Người dân và chính quyền đã làm gì để phòng, chống thiên tai đó (trước, trong và sau thiên tai)? Lưu ý: câu trả lời tập trung về kinh nghiệm đã thực hiện ở thời điểm đó, chứ không phải kinh nghiệm nói chung. Điền vào cột (7).

4. Tổng hợp kết quả thảo luận về Lịch sử thiên tai

Từ kết quả thảo luận, tổng hợp thông tin vào Bảng 2.2 dưới đây:

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Bảng 2.2: Kết quả tổng hợp Công cụ 2 (sử dụng kết quả từ Bảng 2.1)

| Thiên tai | Xu hướng của thiên tai | TTDBTT | Năng lực | Rủi ro thiên tai |
|-----------|------------------------|--------|----------|------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | | | |
| | | | | |

Trong đó, cách tổng hợp kết quả từ Bảng 2.1 sang bảng 2.2 như sau:

- Cột (1) - Thiên tai: Từ cột (1) và (2) của Bảng 2.1, thống kê loại thiên tai nào xảy ra nhiều lần nhất hoặc nghiêm trọng nhất, điền thông tin đó vào cột (1), Bảng 2.2.

Ví dụ: Bão xảy ra 3 trận; Hạn hán xảy ra 3 trận; Lụt xảy ra 2 trận; Lốc xoáy xảy ra 3 trận. Tổng hợp vào cột thiên tai là: Bão (3 trận); Hạn hán (3 trận); Lụt (2 trận); Lốc xoáy (3 trận)

- Cột (2) - Xu hướng của thiên tai: Từ cột (3) của Bảng 2.1, tổng hợp thông tin để đưa vào cột (2), Bảng 2.2.

Ví dụ: Bão xảy ra khó dự đoán, ngăn ngày nhưng cường độ mạnh hơn; Hạn hán kéo dài hơn; Lụt xảy ra ít hơn nhưng khó dự đoán hơn; Lốc xoáy xuất hiện trong 3 năm gần đây rất bất ngờ; Năng nóng kéo dài.

- Cột (3) - TTDBTT: Nội dung cột (6) trong Bảng 2.1 là những nguyên nhân khiến thiệt hại xảy ra, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng cần trao đổi và tham vấn với người dân xem các yếu tố đó đã được khắc phục hay chưa. Nếu vẫn còn điểm yếu đó, tổng hợp thông tin vào cột (3) của Bảng 2.2 theo các khía cạnh: i) Vật chất, ii) Tổ chức/xã hội, iii) Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ.

Ví dụ: Với bão, từ các nguyên nhân “không có phương tiện đi học khi đường ngập”, “không chằng chống nhà cửa”, “lực lượng xung kích mỏng, thiếu thanh niên”, trao đổi thì biết các điểm yếu đó chưa được khắc phục. Từ đó, tổng hợp thành TTDBTT:

VC: “Không có phương tiện đi học khi đường ngập”;

TCXH: “Lực lượng xung kích mỏng, thiếu thanh niên”;

NTKN: “Không chằng chống nhà cửa”.

- Cột (4) - Năng lực: Tương tự như trên, lấy thông tin từ cột (7) của Bảng 2.1 và tổng hợp vào cột (4) của Bảng 2.2.

Ví dụ: Trong đợt rét đậm, người dân đã có kinh nghiệm “lấy bạt che chắn quanh chuồng cho trâu bò” như vậy có Năng lực về NTKN: “có kinh nghiệm che chắn chuồng trại cho trâu bò”.

- Cột (5) - Rủi ro thiên tai: Nội dung cột (5) trong Bảng 2.1 là những thiệt hại đã xảy ra, nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng cần trao đổi và tham vấn với người dân xem các thiệt hại đó trong tương lai có thể xảy ra không. Nếu thiệt hại đó có thể lặp lại, đây sẽ là rủi ro thiên tai.

Từ đó, tổng hợp thông tin sang cột (5) của Bảng 2.2. Sắp xếp theo các lĩnh vực: ATCĐ, SKVSMT và SXKD.

Ví dụ: Khi lốc xoáy xảy ra thiệt hại là: “32 nhà bị tốc mái”, bão lụt làm “100% diện tích lúa và hoa mầu (295ha) không thu hoạch kịp”, “môi trường và nguồn nước bị ô nhiễm do rác thải và xác chết súc vật”. Thiệt hại tương tự có thể xảy ra trong tương lai, thì cột (5) sẽ ghi những rủi ro thiên tai sau:

ATCĐ: Nhà cửa bị tốc mái, hư hại;

SKVSMT: Ô nhiễm môi trường và nguồn nước;

SXKD: Giảm năng suất cây trồng.

CÔNG CỤ 3: LỊCH THEO MÙA



Ảnh 6: Người dân xây dựng Lịch theo mùa (Nguồn: Đoàn Minh Cường)

Mục tiêu:

Thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về thời gian thực hiện các hoạt động kinh tế, xã hội; về mùa thiên tai trong năm và xu hướng thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu. Từ đó, nhận biết tác động của thiên tai đến các hoạt động trên và kinh nghiệm phòng, chống thiên tai của người dân.

Thời gian dự kiến:

60 phút thu thập thông tin từ người dân và 30 phút tổng hợp và phân tích thông tin trong Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng.

Dụng cụ cần chuẩn bị:

Bảng, giấy khổ A0, phấn, bút viết, thước kẻ dài. Chuẩn bị sẵn Bảng 3.1.

Tham khảo ví dụ công cụ Lịch theo mùa và Kết quả tổng hợp từ Công cụ Lịch theo mùa (Phụ lục 9.2, trang 66).

Các bước thực hiện:

1. Chuẩn bị:

Tìm một địa điểm thích hợp cho nhóm làm việc. Có thể vẽ trên nền đất, trên sàn nhà hoặc trên giấy khổ lớn A0.

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Giúp người dân vẽ một bảng gồm 14 cột: cột đầu là Hoạt động kinh tế, xã hội và thiên tai, 12 cột tiếp theo điền các tháng trong năm (1-12), và cột cuối là ảnh hưởng và xu hướng của thiên tai như sau:

Bảng 3.1: Lịch theo mùa (Tương ứng với thời gian thiên tai xảy ra)

| Thiên tai | Tháng | | | | | | | | | | | | Xu hướng của thiên tai | | | |
|--------------------------------|-------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|--|----------|---------------------------|--|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Lịch hoạt động kinh tế, xã hội | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động kinh tế xã hội | Tại sao? | Kinh nghiệm phòng, chống? | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | |

Kết quả thảo luận về lịch hoạt động kinh tế xã hội và tình hình thiên tai tại địa phương sẽ được tổng hợp lại trên một bảng (Bảng 3.1) và thống nhất theo cùng một lịch (âm lịch hay dương lịch).

CÔNG CỤ 2. LỊCH THEO MÙA CỤM BẢN 1
(Thềm Luông + Nậm Ún + Huổi Pù)

| Thiên Tai | Tháng (dương lịch) | | | | | | | | | | | | XU HƯỚNG CỦA THIÊN TAI | | |
|---------------------|-------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|---|-----------|------------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | Ảnh hưởng của TT | Tại Sao ? | Kinh nghiệm PCTT |
| Rét hại | [Red line from month 1 to 12] | | | | | | | | | | | | Nhiệt độ thấp, kéo dài, bất thường | | |
| Lốc | [Red line from month 4 to 6] | | | | | | | | | | | | Không xảy ra thường xuyên tuy thuộc từng năm | | |
| Mưa đá | [Red line from month 4 to 6] | | | | | | | | | | | | Bất thường, cục bộ, không xảy ra thường xuyên | | |
| Lũ quét | [Red line from month 7 to 12] | | | | | | | | | | | | Không theo quy luật ngày càng tăng, cường độ mạnh | | |
| Hoạt động KTXH | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | Ảnh hưởng của TT | Tại Sao ? | Kinh nghiệm PCTT |
| 1) Lúa | [Red line from month 2 to 6] | | | | | | | | | | | | - Mạ chết rét giảm năng suất, thu nhập thấp → đời nghèo - Bị sâu bệnh, ngập úng do đập, sạt lở ven suối giảm năng suất, giảm diện tích. - Chưa che chắn cho mạ thiếu kiến thức. - Hệ thống mương phai chưa kiên cố. - Chăm sóc chưa tốt, chưa phun thuốc kịp thời, chưa áp dụng KHK.T. - Tu bổ xây dựng hệ thống mương phai kiên cố. | | |
| 2) Ngô | [Red line from month 4 to 6] | | | | | | | | | | | | - Bị sói mòn sạt lở giảm diện tích. - Cây bị gãy do đập nát quy cơ giảm năng suất thu nhập thấp → đời nghèo. - Không có rừng phòng hộ. Đồi ở địa hình dốc, sử dụng thuốc trừ cỏ bừa bãi. - Chưa có vùng canh tác tập trung. - Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn. - Trồng đúng thời vụ dùng kỹ thuật. - Quy hoạch vùng canh tác chuyển canh. | | |
| 3) Rau đậu các loại | [Red line from month 1 to 3] | | | | | | | | | | | | - Cây bị thối, chết, phát triển chậm giảm năng suất → thu nhập thấp. - Do sâu bệnh, chăm sóc chưa tốt. - Thiên kinh phí. - Thiếu đầu ra cho sản phẩm, bị tiêu thụ rẻ giá. - Tập chung chăm sóc phòng trừ sâu bệnh. - Quy hoạch vùng trồng chuyển canh, tu sửa đầu ra cho sản phẩm. | | |

Ảnh 7: Lịch theo mùa tại cụm bản Thềm Luông, Nậm Ún, Huổi Pù, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (Nguồn: Lương Như Oanh – Oxfam Anh)



Ảnh 8: Liệt kê các hoạt động kinh tế xã hội, thiên tai thảo luận Lịch theo mùa tại thôn Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nguồn: Phạm Thị Đóa - DMC)

2. Giới thiệu:

Giải thích cho người dân tham gia đánh giá về công cụ Lịch theo mùa. Sử dụng lịch phù hợp với địa phương (Âm lịch, Dương lịch hoặc theo thời gian phù hợp phong tục địa phương).

3. Để xác định thời điểm thiên tai xảy ra trong năm và xu hướng của thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu, trao đổi với người dân tham gia đánh giá những câu hỏi sau:

- Đề nghị người tham gia nêu ra những loại thiên tai thường xảy ra tại địa phương (có thể tham khảo Công cụ 2. Lịch sử thiên tai).
- Đối với từng loại thiên tai đó, hỏi người tham gia về thời điểm thường xảy ra. Đánh dấu thông tin vừa thu được vào cột thời gian tương ứng, trong đó ghi chú tháng cao điểm.
- Đề nghị người tham gia chia sẻ quan sát của họ về xu hướng thay đổi của thiên tai và khí hậu: có gì thay đổi so với trước không (hiện tượng thiên tai, thời tiết bất thường, số lần diễn ra nhiều/ít, thời gian diễn ra sớm/muộn/khó dự đoán, mức ảnh hưởng nhiều/ít). Ghi chép các thông tin đó vào Cột Xu hướng của thiên tai.

Ví dụ: Bão: đến sớm, kết thúc muộn và khó dự đoán hơn, cường độ mạnh và kèm theo lũ lụt. Thời gian giữa các trận bão gần hơn. Nắng nóng: nhiều đợt kéo dài, nhiệt độ cao.

4. Để xác định lịch hoạt động kinh tế xã hội, trao đổi với người dân tham gia đánh giá những câu hỏi sau:

Tại địa phương có những hoạt động sản xuất kinh doanh nào (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, dịch vụ...). Sau đó xác định giai đoạn sản xuất của từng hoạt động, ai là người thực hiện chính và đánh dấu vào các tháng.

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Ví dụ: Trồng lúa vụ Đông xuân có các giai đoạn: gieo (nữ) tháng 1, làm cỏ (nữ) tháng 3, thu hoạch (nam, nữ) tháng 5...; Chăn nuôi gia súc, gia cầm: (nam, nữ) quanh năm; Hoạt động đánh bắt thủy sản: đánh bắt (nam) tháng 10, chế biến (nữ) tháng 10...

Liệt kê các hoạt động xã hội chính ở địa phương (Ví dụ: lễ hội, thời gian học tập của trẻ em...) và đánh dấu thời gian.

Ví dụ: Lễ hội cầu ngư vào Rằm tháng 4 âm lịch tức khoảng tháng 5 dương lịch.

Liệt kê các vấn đề của cộng đồng (Ví dụ: dịch bệnh, thiếu lương thực...) và đánh dấu thời gian.

Ví dụ: Thiếu lương thực thường xảy ra vào tháng 4.

5. Để tìm hiểu ảnh hưởng của thiên tai đến các hoạt động kinh tế - xã hội, đề nghị người tham gia đối chiếu trên lịch thời gian, để xem mỗi hoạt động kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng bởi những loại thiên tai nào và thảo luận các câu hỏi sau:

- Thiên tai ảnh hưởng ở giai đoạn nào của hoạt động kinh tế xã hội?
- Ảnh hưởng như thế nào? Có thể gây ra các thiệt hại gì (các lĩnh vực: ATCĐ, SXKD, SKVSMT)? Tạo sao lại có các thiệt hại đó (các khía cạnh về VC, TCXH, NTKN)?
- Mô tả ảnh hưởng của thiên tai tới nữ giới, nam giới và các đối tượng dễ bị tổn thương khác. Xác định thời điểm mà người dân dễ bị tổn thương (thiếu ăn, thiếu thu nhập, thiếu nước sản xuất, dịch bệnh, di cư ra khỏi khu vực...).
- Liệt kê các kinh nghiệm của nữ giới và nam giới, thanh niên... khi thiên tai xảy ra và khi có sự thay đổi về khí hậu, xu hướng thiên tai.
- Sự thay đổi về xu hướng của thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu có ảnh hưởng gì đến hoạt động kinh tế - xã hội? Ví dụ: Mùa trồng lúa, khai thác hải sản, kinh doanh du lịch... thay đổi như thế nào khi nhiệt độ, lượng mưa thay đổi?

6. Tổng hợp kết quả thảo luận về Lịch theo mùa:

Từ kết quả thảo luận, tổng hợp thông tin vào Bảng 3.2 dưới đây:

Bảng 3.2: Kết quả tổng hợp công cụ 3 (sử dụng kết quả từ Bảng 3.1)

| Thiên tai | Xu hướng của thiên tai | TTDBTT | Năng lực phòng, chống thiên tai | Rủi ro thiên tai |
|-----------|------------------------|--------|---------------------------------|------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | | | |
| | | | | |

Trong đó, cách tổng hợp kết quả từ Bảng 3.1 sang Bảng 3.2 như sau:

- Cột (1) - Thiên tai: Tổng hợp từ cột đầu tiên, phần Thiên tai trong bảng Lịch theo mùa.

Ví dụ: Loại hình thiên tai: Nắng nóng, lũ lụt, rét đậm...

- Cột (2) - Xu hướng của thiên tai: Tổng hợp từ cột cuối cùng, phần Xu hướng trong bảng Lịch theo mùa.

Ví dụ: Tương ứng với loại hình thiên tai Nắng nóng thì xu hướng là: nhiều đợt kéo dài, nhiệt độ cao.

- Cột (3) - TTDBTT: Tổng hợp các ý kiến thảo luận về nguyên nhân dẫn đến thiệt hại của hoạt động kinh tế - xã hội khi thiên tai xảy ra. Phân loại theo các khía cạnh: VC, TCXH, NTKN vào cột TTDBTT.

Ví dụ: Tương ứng với loại hình thiên tai Lũ lụt thì TTDBTT của khía cạnh VC là: Kho của nhiều hộ bán hàng đặt ở vị trí thấp và không có dụng cụ sấy nên nhiều hàng hóa bị mốc, hỏng.

- Cột (4) - Năng lực phòng, chống thiên tai: Tổng hợp các ý kiến thảo luận về kinh nghiệm đối phó khi thiên tai xảy ra của nữ giới, nam giới, thanh niên... vào cột Năng lực phòng, chống thiên tai. Phân loại theo các khía cạnh: VC, TCXH, NTKN.

Ví dụ: Tương ứng với loại hình thiên tai Rét đậm thì Năng lực của khía cạnh:

TCXH: Hội nông dân vận động người dân gieo lại dùng giống ngắn ngày.

NTKN: Huy động được nhân lực để gieo lại lúa.

- Cột (5) - Rủi ro thiên tai: Tổng hợp từ cột cuối cùng phần Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động kinh tế - xã hội. Lưu ý: chủ yếu các rủi ro thiên tai ở công cụ này nằm trong lĩnh vực SXKD, SKVSMT.

Ví dụ: Tương ứng với loại hình thiên tai Nắng nóng thì RRTT đối với lĩnh vực:

SXKD: Sản lượng thấp.

SKVSMT: Dịch bệnh trên người và vật nuôi.

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

CÔNG CỤ 4: SƠ HỌA BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI



Ảnh 9: Người dân tham gia xây dựng sơ họa bản đồ RRTT (Nguồn: Nguyễn Đức Thiện)

Mục tiêu:

Xác định các khu vực nguy hiểm và khu vực an toàn tại xã đối với từng loại thiên tai. Từ đó, nhận biết điểm mạnh, điểm yếu, nguồn lực của cộng đồng trong công tác phòng, chống thiên tai.

Thời gian dự kiến:

60 phút thu thập thông tin từ người dân và 30 phút tổng hợp, phân tích thông tin trong Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng.

Dụng cụ cần chuẩn bị

Bản đồ hành chính xã, bảng, giấy khổ A0, thước kẻ, phấn màu, bút màu, giấy màu (tối thiểu phải có hai màu xanh, đỏ).

Tham khảo ví dụ về Công cụ Sơ họa bản đồ RRTT (Còn gọi là Bản đồ rủi ro thiên tai tự vẽ) và Bảng tổng hợp kết quả từ Công cụ Sơ họa Bản đồ rủi ro thiên tai (Phụ lục 9.3, trang 69).

Các bước thực hiện:

1. Chuẩn bị:

Tìm một địa điểm thích hợp cho nhóm làm việc và chuẩn bị những dụng cụ cần thiết.

2. Giới thiệu

Giới thiệu về mục đích của công cụ vẽ Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai. Cử một hoặc hai thành viên của nhóm để vẽ, những người khác đóng góp ý kiến. Cử thư ký ghi chép cụ thể tất cả những thông tin thảo luận.

3. Thống nhất ký hiệu và màu sắc sử dụng khi vẽ bản đồ

Thống nhất ký hiệu sử dụng, màu vẽ và nội dung ghi chú, trong nội dung ghi chú bao gồm cả ký hiệu của sơ đồ nền và thông tin rủi ro thiên tai.

Có thể sử dụng màu đỏ dành cho những khu vực không an toàn, dễ bị tổn thương; màu xanh dành cho những khu vực an toàn, nơi có năng lực phòng chống thiên tai hiệu quả. Có thể dùng ký hiệu hoặc giấy màu để dán lên sơ đồ nền.

4. Tiến hành vẽ sơ đồ nền

Chuẩn bị sẵn sơ đồ nền dựa trên bản đồ hành chính của xã.

Trường hợp không có, tiến hành vẽ sơ đồ nền như sau:

- Xác định hướng Đông, Tây, Nam, Bắc: Hỏi người tham gia về hướng mặt trời mọc và lặn để giúp họ xác định phương hướng. Ví dụ: đứng quay mặt về hướng mặt trời mọc thì trước mặt là hướng Đông, sau lưng là hướng Tây, tay trái là hướng Bắc, tay phải là hướng Nam. Lưu ý: Bắc là hướng treo sơ đồ.
- Xác định và vẽ các khu vực chính của sơ đồ: đường sá, cầu cống, trường, trạm y tế, nhà văn hóa thôn, chợ, nhà trẻ, đình chùa/nhà thờ, sông suối
- Bổ sung các chi tiết: địa giới các xóm/thôn, nhà dân, ruộng vườn, rừng...

5. Khoanh vùng cụ thể trên sơ đồ những địa điểm có thể bị ảnh hưởng bởi thiên tai

Hỏi người dân về từng loại thiên tai và khoanh vùng cụ thể trên sơ đồ những địa điểm có thể bị ảnh hưởng bởi từng loại thiên tai (nơi dễ ngập lụt, hạn hán, sạt lở...). Có thể ghi chú hoặc tô màu khu vực ảnh hưởng (Ví dụ: màu hồng cho vùng có thể bị ảnh hưởng bởi lũ, màu xám cho khu vực hạn hán...).

6. Xác định khu vực an toàn và không an toàn trên sơ đồ:

Hỏi người dân chỉ rõ trên sơ đồ nền khu vực an toàn và không an toàn, ghi chép cẩn thận những thông tin đó:

Thông tin về khu vực không an toàn:

- Yêu cầu người dân chỉ rõ các khu vực có đặc điểm không an toàn, sử dụng ký hiệu/giấy màu (ví dụ: màu đỏ) để vẽ/dán lên sơ đồ nền.
- Hỏi thông tin cụ thể (Ví dụ: Cái gì? Ở đâu? Bao nhiêu? Nguyên nhân? ...) về các nơi không an toàn. Thư ký ghi chép rõ để tổng hợp thông tin (Nội dung cột (3). TTDBTT của Bảng 4.1):

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

- Khu vực nhà ở, trồng trọt hay chăn nuôi có thể gặp thiệt hại;
- Công trình không an toàn (cầu tạm/yếu, trường học tạm bợ, hệ thống điện nước yếu kém, khu vực dễ bị chia cắt do thiên tai...);
- Nơi nguy hiểm chưa có biển cảnh báo, nhà tạm, nhà xây ở gần sông suối, thiếu phương tiện phòng chống thiên tai.
- Nơi có các đối tượng dễ bị tổn thương (người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ...), gia đình neo đơn;
- Nơi các đoàn thể hoạt động yếu, chưa có đội xung kích...

Thông tin về khu vực an toàn:

- Yêu cầu người dân chỉ rõ các khu vực có đặc điểm an toàn, sử dụng ký hiệu/giấy màu (ví dụ: màu xanh) để vẽ/dán lên sơ đồ nền.
- Hỏi thông tin cụ thể (Ví dụ: Cái gì? Ở đâu? Bao nhiêu? Nguyên nhân?...) về các nơi an toàn. Thư ký ghi chép rõ để tổng hợp thông tin (Nội dung cột (4). Năng lực phòng, chống thiên tai của Bảng 4.1, trang 26):
 - Điểm sơ tán (công sở, trường học an toàn, bệnh viện an toàn, điểm cao trên địa bàn, đường phục vụ sơ tán dân...), cây chắn gió;
 - Công trình và trang thiết bị (đê, kè, kè, hệ thống điện nước...);
 - Hệ thống cảnh báo (loa phát thanh, kèng, đài, ti vi...);
 - Khu vực sản xuất ổn định ít chịu tác động của thiên tai;
 - Gia đình/người dân có kinh nghiệm phòng, chống thiên tai, có thể giúp đỡ người khác;
 - Nơi có những tổ chức đoàn thể hoạt động tích cực và có thể giúp người dân phòng, chống thiên tai.

7. Từ sơ đồ trên, khuyến khích người dân thảo luận về những gì họ biết đã được thể hiện đầy đủ trên sơ đồ chưa, có bổ sung hay thay đổi gì không. Cùng trao đổi về TTDBTT của địa phương dẫn đến những nguy cơ gì khi thiên tai xảy ra.

8. Tổng hợp kết quả thảo luận về sơ đồ rủi ro thiên tai

Từ kết quả thảo luận, tổng hợp thông tin vào Bảng 4.1 dưới đây:

Bảng 4.1: Kết quả tổng hợp Công cụ 4

| Thiên tai | Xu hướng của thiên tai | TTDBTT | Năng lực phòng, chống thiên tai | Rủi ro thiên tai |
|-----------|------------------------|--------|---------------------------------|------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | | | |
| | | | | |

Trong đó:

- Cột (1) - Thiên tai: Lần lượt điền các loại hình thiên tai xảy ra ở địa phương mà nhóm đã thảo luận vào cột Thiên tai.
- Cột (3) - TTDBTT: Tổng hợp ý kiến thảo luận về các khu vực và đặc điểm không an toàn vào cột TTDBTT. Phân loại theo các khía cạnh: Vật chất; Tổ chức/xã hội; Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ.

Ví dụ: Tương ứng với loại hình thiên tai Sạt lở đất thì TTDBTT của khía cạnh VC là: 30% nhà ở đang nằm trong khu vực ven suối và chân núi dễ sạt lở; Hệ thống biển báo điểm có nguy cơ sạt lở bị đổ...

- Cột (4) - Năng lực phòng, chống thiên tai: Tổng hợp ý kiến thảo luận về các khu vực an toàn và năng lực phòng chống thiên tai của địa phương vào cột Năng lực phòng, chống thiên tai. Phân loại theo các khía cạnh: Vật chất; Tổ chức/xã hội; Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ.

Ví dụ: Tương ứng loại hình thiên tai Bão thì Năng lực của khía cạnh:

VC: Tại mỗi thôn đều có từ 4-8 nhà xây kiên cố để tránh trú; UBND xã vừa xây xong hội trường cao tầng kiên cố làm nhà tránh trú..

NTKN: Các hộ vùng ven biển có kinh nghiệm tránh bão: dự trữ lương thực, thuốc men; các cơ sở sản xuất kinh doanh hộ gia đình có kinh nghiệm di chuyển kho hàng trước mùa bão...

- Cột (5) - Rủi ro thiên tai: Tổng hợp ý kiến thảo luận về những nguy cơ khi thiên tai xảy ra tại địa phương vào cột Rủi ro thiên tai.

Ví dụ: Tương ứng loại hình thiên tai Sạt lở thì RRTT đối với lĩnh vực:

ATCĐ: Thôn có nguy cơ cao (ghi rõ tên thôn); Nhà ở bị hư hại, sập đổ; Thiệt hại về người (số hộ, số người sống trong khu vực dễ bị sạt lở)...

SXKD: Giảm năng suất, sản lượng lúa và hoa màu...

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Lưu ý:

- Chỉ cần phác thảo sơ đồ của xã.
- Dùng kết quả của công cụ Thông tin lịch sử để thảo luận về các loại thiên tai.
- Nên tổ chức khảo sát thực địa để đối chiếu các thông tin trên sơ đồ và thực tế: vùng thấp trũng, sông ngòi, các vùng đất thổ nhưỡng khác nhau, khu sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chợ, nhà ở, đường sá, cầu cống, ...
- Sau khi khảo sát, nhóm cùng thảo luận, bổ sung những thông tin đã thu thập, quan sát được để hoàn thiện sơ họa bản đồ RRTT.



Ảnh 10: Sơ họa bản đồ RRTT xã Tân Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (Nguồn: Phạm Thị Vân – Oxfam Anh)

CÔNG CỤ 5: ĐIỂM MẠNH VÀ YẾU TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI



Ảnh 11: Trao đổi trong nhóm nữ về điểm mạnh và yếu trong công tác PCTT (Nguồn: Live & Learn)

Mục tiêu:

Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin và ý kiến đánh giá điểm mạnh và yếu liên quan tới công tác phòng, chống thiên tai của chính quyền, người dân và các tổ chức đoàn thể, đặc biệt theo phương châm “Bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; hậu cần tại chỗ và phương tiện tại chỗ).

Thời gian dự kiến:

60 phút thu thập thông tin từ người dân và 15 phút tổng hợp và phân tích thông tin trong Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng.

Dụng cụ cần chuẩn bị:

- Bảng hoặc giấy khổ lớn A0, bút, phấn, thước kẻ.
- Tham khảo ví dụ về Công cụ Điểm mạnh và yếu trong công tác PCTT (Phụ lục 9.4, trang 71).

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Các bước thực hiện:

1. Chuẩn bị:

Tìm một địa điểm thích hợp cho nhóm làm việc. Kẻ bảng đánh giá điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai trên giấy khổ A0 như dưới đây:

Bảng 5.1: Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai

| Chính quyền, người dân và các tổ chức đoàn thể | Điểm mạnh | Điểm yếu |
|--|-----------|----------|
| | | |
| | | |

2. Giới thiệu:

Giải thích cho người tham gia hiểu về Công cụ Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai.

3. Đánh giá công tác phòng, chống thiên tai

Lấy ý kiến về kinh nghiệm phòng, chống thiên tai của người dân và các tổ chức đoàn thể liên quan. Khuyến khích người dân xem xét từng nhóm cộng đồng theo ngành nghề, đối tượng dễ bị tổn thương, ...

Thu thập thông tin cụ thể về kinh nghiệm trước, trong và sau thiên tai và các nội dung thực hiện theo phương châm "Bốn tại chỗ" về chỉ huy, lực lượng, hậu cần và phương tiện như sau:

- Với mỗi loại hình thiên tai, người dân đã làm gì để phòng, chống thiên tai (trước, trong và sau thiên tai)? Điểm mạnh? Điểm yếu? Tại sao?
- Có những tổ chức, đoàn thể nào liên quan tới công tác phòng, chống thiên tai ở địa phương (Ví dụ: đội xung kích, hội chữ thập đỏ, tổ chức đoàn thể khác, ban chỉ huy phòng, chống thiên tai...)? Tương ứng với mỗi tổ chức, thảo luận cụ thể:
 - Điểm tốt? Điểm chưa tốt, cần cải thiện? Tại sao?
 - Người dân nhận được hỗ trợ gì từ các tổ chức, đoàn thể đó (thông tin, hậu cần, trang thiết bị...)?
 - Những ai tham gia lập kế hoạch phòng, chống thiên tai? Người dân có biết về kế hoạch phòng, chống thiên tai?
 - Cơ chế trao đổi thông tin, phối hợp giữa các tổ chức và với người dân trước, trong và sau thiên tai?
 - Các thông tin liên quan khác về công tác phòng, chống thiên tai.

4. Tổng hợp kết quả thảo luận:

Từ kết quả thảo luận, tổng hợp thông tin vào Bảng 5.2 dưới đây:

Bảng 5.2: Kết quả tổng hợp Công cụ 5

| Thiên tai | Xu hướng của thiên tai | TTDBTT | Năng lực phòng, chống thiên tai | Rủi ro thiên tai |
|-----------|------------------------|--------|---------------------------------|------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | | | |
| | | | | |

Trong đó:

- Cột (1) – Thiên tai: Nhóm hỗ trợ kỹ thuật lựa chọn loại hình thiên tai để bổ sung vào cột Thiên tai.
- Cột (3) - TTDBTT: Tổng hợp các ý kiến thảo luận về Điểm yếu theo khía cạnh: VC; TCXH; NTKN.

Ví dụ: Tương ứng loại hình thiên tai Bảo thì TTDBTT theo khía cạnh:

VC: Thiếu phương tiện, trang thiết bị PCTT (loa đài, thiết bị cứu hộ, cứu nạn, ...);

NTKN: Nhiều hộ dân chưa sẵn sàng di dời đến nơi an toàn, chưa biết Kế hoạch PCTT của xã.

- Cột (4) - Năng lực phòng, chống thiên tai: Tổng hợp các ý kiến thảo luận về điểm mạnh theo khía cạnh: VC; TCXH; NTKN.

Ví dụ: Tương ứng loại hình thiên tai Hạn hán thì Năng lực phòng, chống thiên tai theo khía cạnh:

NTKN: Người dân chủ động trong việc dự trữ thức ăn, phòng dịch cho vật nuôi, có tinh thần tương trợ lẫn nhau;

TCXH: Hội nông dân phối hợp tốt với các thôn trong việc chuẩn bị giống cây trồng chịu hạn.



Ảnh 12: Trao đổi về điểm mạnh và yếu trong công tác PCTT (Nguồn: Hội chữ thập đỏ Đức)

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

CÔNG CỤ 6: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI



Ảnh 13: Trình bày kết quả đánh giá RRTT-DVCD (Nguồn: Live & Learn)

Mục tiêu:

Tổng hợp và phân tích các thông tin thu thập được để xác định thiên tai, xu hướng thiên tai, TTDBTT, năng lực và rủi ro thiên tai.

Thời gian dự kiến:

60 phút cho Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng tổng hợp và phân tích thông tin từ các công cụ đánh giá.

Dụng cụ cần chuẩn bị:

Bảng, giấy khổ lớn A0, bút, phấn, thước kẻ.

Tham khảo ví dụ về Công cụ Tổng hợp đánh giá RRTT (Phụ lục 9.5, trang 72).

Các bước thực hiện:

1. Chuẩn bị:

Lập bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai như sau:

Bảng 6.1: Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai

| Thiên tai | Xu hướng của thiên tai | TTDBTT | Năng lực PCTT | Rủi ro thiên tai |
|-----------|------------------------|--------|---------------|------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | | | |
| | | | | |

2. Tổng hợp thông tin:

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật tổng hợp tất cả các thông tin thu thập được vào các cột của bảng trên, dựa trên các kết quả tổng hợp của mỗi công cụ đánh giá (Bảng 2.2, 3.2, 4.1, 5.2).

- Cột (1) - Thiên tai: Liệt kê các loại hình thiên tai từ công cụ Lịch sử thiên tai (Bảng 2.2).
- Cột (2) - Xu hướng của thiên tai: Tổng hợp thông tin từ công cụ Lịch sử thiên tai và Lịch theo mùa (Bảng 2.2 và 3.2).
- Cột (3) - TTDBTT: Tổng hợp thông tin từ tất cả các công cụ. Phân loại thông tin theo các khía cạnh: VC, TCXH, NTKN.
- Cột (4) - Năng lực PCTT: Tổng hợp thông tin từ tất cả các công cụ. Phân loại thông tin theo các khía cạnh: VC, TCXH, NTKN.
- Cột (5) - Rủi ro thiên tai: Tổng hợp thông tin từ tất cả các công cụ. Phân loại thông tin theo các lĩnh vực: ATGD, SKVSMT, SXKD.

Các thông tin tổng hợp từ mỗi công cụ có thể khác nhau, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng sẽ lấy ý kiến của người dân.

CÔNG CỤ 7: XẾP HẠNG



Ảnh 14: Nhóm phụ nữ xếp hạng RRTT quan tâm (Nguồn: Lương Như Oanh – Oxfam Anh).

Mục tiêu:

Xác định các rủi ro, vấn đề, quan tâm ưu tiên của người dân tại địa phương.

Thời gian dự kiến: 90 phút

Dụng cụ cần chuẩn bị:

Giấy A0, thẻ màu, bút. Chuẩn bị sẵn Bảng 7.1.

Tham khảo ví dụ về Bảng Tổng hợp Xếp hạng (Phụ lục 9.6, trang 75).

Các bước thực hiện:

1. Chuẩn bị:

Tìm một vị trí thích hợp cho nhóm làm việc. Lập Bảng 7.1 trên giấy khổ A0.

Xác định các tiêu chí cho từng loại thông tin cần xếp hạng và liệt kê các tiêu chí đó trên giấy (A1 hoặc A2).

Bảng 7.1: Xếp hạng (theo thôn/cụm thôn)

| BẢNG XẾP HẠNG | | | | |
|--|-------------------------------|-----------------|------------------|------------------------|
| Thôn/cụm thôn:..... | | Xã:..... | | |
| Số người tham gia xếp hạng:Nam;Nữ | | | | |
| Thông tin xếp hạng | Điểm cho các thông tin | | Tổng điểm | Thứ tự xếp hạng |
| | Nhóm Nam | Nhóm Nữ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| Thông tin thứ 1 | | | | |
| Thông tin thứ 2 | | | | |
| | | | | |
| Thông tin thứ n | | | | |

2. Giới thiệu:

Tổ chức họp với người dân tham gia đánh giá và giải thích ý nghĩa của hoạt động xếp hạng.

Phổ biến thông tin cần xếp hạng và các tiêu chí cho từng loại thông tin đó.

3. Liệt kê những thông tin cần xếp hạng và giải thích chi tiết tiêu chí xếp hạng:

- Các thông tin cần xếp hạng có thể là: những thiên tai nguy hiểm thường xảy ra và gây thiệt hại lớn, các rủi ro, các vấn đề, các giải pháp tương ứng của người dân tại địa phương và các quan tâm ưu tiên khác.
- Tiêu chí xếp hạng:
 - Đối với thiên tai, rủi ro thiên tai, tiêu chí có thể là: Mức độ nghiêm trọng, tần suất xảy ra, phạm vi ảnh hưởng,...
 - Đối với các giải pháp, tiêu chí có thể là: tính cấp thiết, tính khả thi, khả năng huy động nguồn lực để thực hiện, số người hưởng lợi,...

4. Cách xếp hạng:

- Mỗi thôn/cụm thôn được chia thành hai nhóm Nam và Nữ để tiến hành xếp hạng;
- Mỗi người được phát số lượng phiếu tương ứng với số lượng thông tin cần xếp hạng;
- Sử dụng thang điểm 10 để ghi trên phiếu cho từng loại thông tin cần xếp hạng. Điểm 10 dành cho mức độ ưu tiên/tính cấp thiết cao nhất và ngược lại. Cụ thể như sau:
 - Thông tin cần xếp hạng nào có mức độ ưu tiên/tính cấp thiết cao nhất cho điểm cao nhất (tối đa 10 điểm);
 - Thông tin xếp hạng có mức độ ưu tiên/tính cấp thiết ít hơn cho điểm thấp hơn;
 - Thông tin xếp hạng có mức độ ưu tiên/cấp thiết thấp nhất cho 1 điểm;
 - Có thể cho điểm số giống nhau đối với những thông tin xếp hạng có mức độ ưu tiên /tính cấp thiết như nhau.

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

- Mỗi phiếu phải ghi đủ thông tin xếp hạng và điểm số cho thông tin đó;
- Mỗi người bỏ phiếu hoặc dán phiếu của mình vào ô thông tin tương ứng trong Bảng 7.1. Nam bỏ phiếu vào nhóm Nam, Nữ bỏ phiếu vào nhóm Nữ.
- Trưởng nhóm tổng hợp điểm từ các phiếu và ghi tổng điểm vào cột (2) đối với Nam và cột (3) đối với Nữ ở Bảng 7.1;
- Cộng điểm nhóm Nam ở cột (2) và nhóm Nữ ở cột (3) để đưa vào cột (4) Tổng điểm:
- Tiến hành xếp hạng: Căn cứ vào số điểm ở cột (4), lựa chọn ưu tiên theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp. Thông tin nào có số điểm cao nhất sẽ được xếp hạng thứ nhất (số 1) và tương tự cho đến hết vào cột (5).
- Trường hợp các thông tin có tổng điểm ở cột (4) bằng nhau, có thể dùng cách biểu quyết trực tiếp để sắp xếp lại thứ tự ưu tiên của các thông tin đó.

5. Tổng hợp xếp hạng toàn xã:

Từ kết quả xếp hạng của thôn/cụm thôn ở Bảng 7.1, tổng hợp thông tin vào Bảng 7.2 cho toàn xã dưới đây:

Bảng 7.2: Tổng hợp xếp hạng

| BẢNG XẾP HẠNG Xã:..... | | | | | | | | | | | | |
|------------------------|------------------------|-----|-----------------|-----|-------|-----|-----------------|-----|---------|------|-----------|-----------------|
| Thông tin xếp hạng | Điểm cho các thông tin | | | | | | | | Toàn xã | | | Thứ tự xếp hạng |
| | Thôn/cụm thôn 1 | | Thôn/cụm thôn 2 | | | | Thôn/cụm thôn n | | | | | |
| | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Tổng điểm | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| Thông tin thứ 1 | | | | | | | | | | | | |
| Thông tin thứ 2 | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| Thông tin thứ n | | | | | | | | | | | | |

- Liệt kê tất cả các thông tin của các thôn/cụm thôn ở Bảng 7.1 vào Thông tin xếp hạng ở cột (1) của Bảng 7.2;
- Đưa điểm số của nhóm Nam ở cột (2) và nhóm Nữ ở cột (3) từ Bảng 7.1 của thôn/cụm thôn vào các cột Nam và Nữ tương ứng của thôn đó ở Bảng 7.2;
- Cộng điểm của tất cả các thôn/cụm thôn theo Nam, Nữ để đưa vào cột (10) và (11);
- Tổng điểm của toàn xã ở cột (12) bằng điểm số ở cột (10) cộng với điểm số ở cột (11);
- Căn cứ vào tổng điểm ở cột (12), lựa chọn ưu tiên theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp. Thông tin nào có số điểm cao nhất sẽ được xếp hạng thứ nhất (số 1) và tương tự cho đến hết vào cột (13);
- Trường hợp các thông tin có tổng điểm ở cột (12) bằng nhau, có thể dùng cách biểu quyết trực tiếp để sắp xếp lại thứ tự ưu tiên của các thông tin đó.

CÔNG CỤ 8: PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN

Mục tiêu:

Xác định những nguyên nhân sâu xa của các rủi ro, vấn đề và những quan tâm cần giải quyết.

Thời gian dự kiến:

60 phút phân tích thông tin với người dân và 15 phút tổng hợp thông tin trong Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng.

Dụng cụ cần chuẩn bị:

Bảng, giấy khổ lớn A0, bút, giấy màu.

Tham khảo ví dụ về Công cụ Phân tích nguyên nhân và Tổng hợp giải pháp PCTT (Phụ lục 9.7, trang 76).

Các bước thực hiện:

1. Chuẩn bị

Tìm một địa điểm thích hợp để nhóm thực hiện. Chuẩn bị sẵn Bảng 8.1.

2. Giới thiệu

Giới thiệu về mục đích, ý nghĩa của công cụ Phân tích nguyên nhân.

3. Xác định nguyên nhân

Dựa trên kết quả thu thập được từ các công cụ đánh giá khác, xác định những vấn đề mà cộng đồng quan tâm, bao gồm: rủi ro thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương liên quan.

Nên đặt các câu hỏi để tìm ra nguyên nhân sâu xa, cốt lõi, gốc rễ của mỗi vấn đề.

4. Phân tích nguyên nhân

Phân tích theo 3 khía cạnh: Vật chất; Tổ chức/xã hội; Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ.

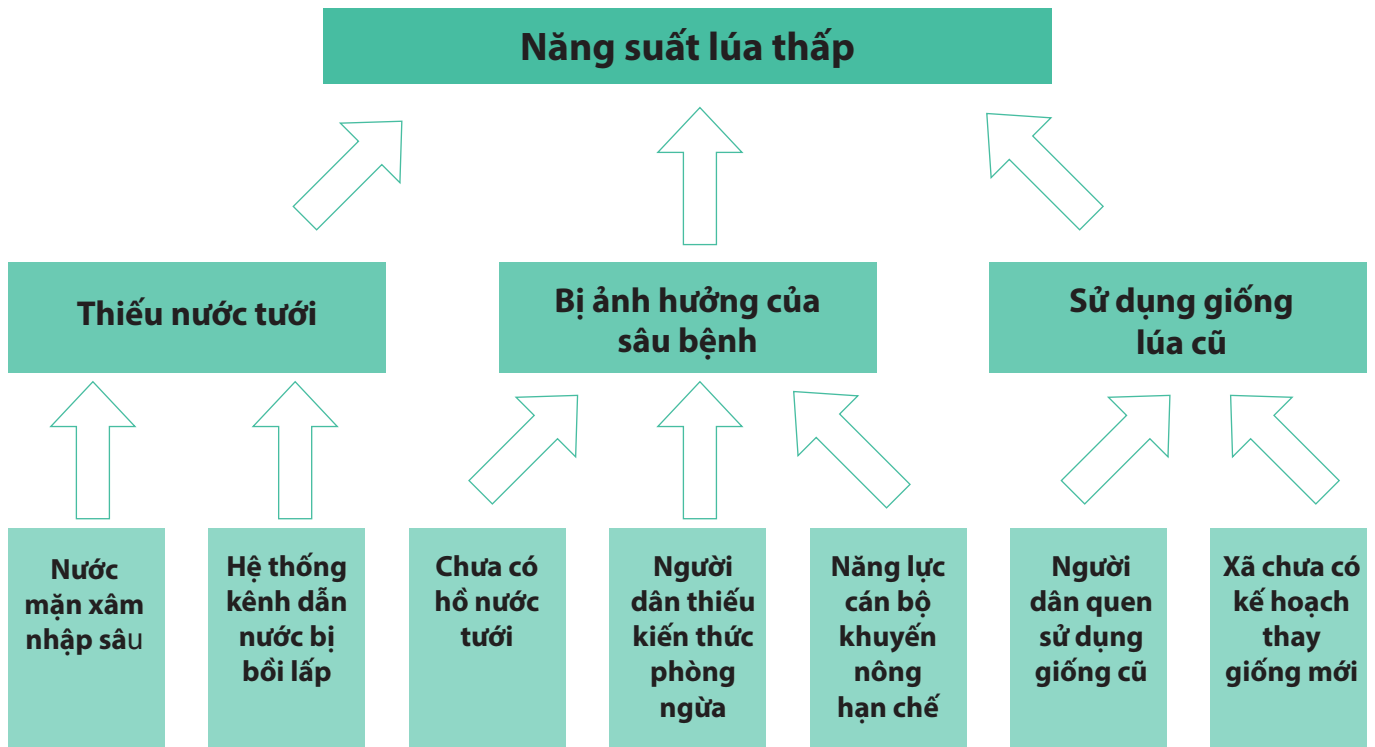
Ví dụ về vấn đề: Năng suất lúa thấp do nguyên nhân:

VC: Thiếu nguồn nước, thiếu hệ thống tưới tiêu, giống lúa kém chất lượng, thiếu phân bón.

TCXH: năng lực cán bộ khuyến nông hạn chế, xã chưa có kế hoạch thay giống mới.

NTKN: Người dân thiếu kiến thức phòng chống sâu bệnh, người dân quen sử dụng giống lúa kém chất lượng.

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG



- Sắp xếp, phân tích các nguyên nhân được đưa ra để thấy được mối quan hệ nhân - quả của vấn đề. Viết mỗi vấn đề trên 1 thẻ giấy và mời đại diện người dân sắp xếp theo mối quan hệ nguyên nhân - kết quả.
- Tổng hợp thông tin vào bảng sau: Cột (1) - Thứ tự các vấn đề quan tâm (theo kết quả xếp hạng từ Công cụ 7); Cột (2) - Rủi ro thiên tai, Cột (3) - TTDBTT và Cột (4) - Nguyên nhân; Cột (5) - Giải pháp: Đưa ra các giải pháp để khắc phục sau khi đã tìm ra nguyên nhân gốc rễ của vấn đề ở cột (4). Chi tiết xem ở mục 3, Công cụ 9.

Bảng 8.1: Kết quả tổng hợp Công cụ 8

| TT | Rủi ro thiên tai | TTDBTT | Nguyên nhân | Giải pháp |
|-----|------------------|--------|-------------|-----------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| | | | | |
| | | | | |

Sử dụng Công cụ 7 để xếp hạng các giải pháp đã được xác định ở cột (5) của Bảng 8.1.

CÔNG CỤ 9: TỔNG HỢP GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Mục tiêu

Tổng hợp, đề xuất giải pháp phòng, chống thiên tai cho các nhóm đối tượng khác nhau trong cộng đồng: nữ, nam, người nghèo, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật,...

Thời gian dự kiến:

90 phút.

Dụng cụ cần chuẩn bị:

Bảng, giấy A0, bút, thước kẻ.

Các bước thực hiện:

1. Chuẩn bị

Tìm một địa điểm thích hợp để thực hiện. Sử dụng kết quả xếp hạng giải pháp đã làm ở Công cụ 8 chuẩn bị cho Bảng 9.1.

2. Tổ chức họp dân

Họp dân để chia sẻ về giải pháp và kết quả đánh giá, để người dân tham gia và bổ sung ý kiến. Các ý kiến bổ sung sẽ được ghi nhận và xem xét.

3. Xây dựng giải pháp phòng, chống thiên tai

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cùng người dân xây dựng giải pháp và điền vào cột (5) - Giải pháp của Bảng 8.1:

- Giải pháp phòng, chống thiên tai được xây dựng dựa trên việc giảm rủi ro thiên tai: thông qua việc chuyển TTDBTT và nguyên nhân liên quan thành năng lực phòng, chống thiên tai.

Ví dụ: RRTT “hư hỏng nhà cửa” có TTDBTT và nguyên nhân là “không gia cố, giằng néo nhà cửa” thì giải pháp là “nâng cao nhận thức và phổ biến kinh nghiệm về gia cố, giằng néo nhà cửa”

- Tham khảo danh mục các giải pháp trước, trong và sau thiên tai; Các giải pháp cụ thể cho từng đối tượng khác nhau (Phụ lục 7, trang 58).

4. Xếp hạng:

Xếp hạng các vấn đề, giải pháp ưu tiên của địa phương theo các nhóm cộng đồng khác nhau (nữ giới, nam giới, thanh niên, ...): Sử dụng công cụ Xếp hạng (Công cụ 7) để lựa chọn các vấn đề, giải pháp theo các tiêu chí phù hợp. Ví dụ: giải pháp cần ưu tiên làm ngay; giải pháp do người dân thực hiện và giải pháp do xã và các tổ chức bên ngoài hỗ trợ.

5. Xây dựng Bảng tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Từ các giải pháp được lựa chọn trên, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật thảo luận với người dân để xây dựng các thông tin cụ thể theo Bảng 9.1 như sau:

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

- Giải pháp đề xuất: Làm gì? (Cột 2)
- Địa điểm và đối tượng hưởng lợi: Cho ai, ở đâu? (Cột 3)
- Các hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp đó: Sẽ làm như thế nào? (Cột 4)
- Thời gian dự kiến (ngắn hạn – dưới 1 năm, trung hạn – từ 1-3 năm, dài hạn – trên 3 năm): Làm gì? (Cột 5)
- Nguồn ngân sách dự kiến: Huy động tại chỗ và hỗ trợ từ bên ngoài? (Cột 6)

Bảng 9.1: Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

| STT | Các giải pháp đề xuất | Địa điểm và đối tượng hưởng lợi | Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp | Thời gian dự kiến | Nguồn ngân sách dự kiến | | |
|-----|-----------------------|---------------------------------|---|-------------------|-------------------------|-----------|----------|
| | | | | | Nhà nước | Người dân | Huy động |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

6. Vẽ sơ họa Bản đồ rủi ro thiên tai tại địa phương

- Người dân trực tiếp tham gia vẽ sơ họa bản đồ.
- Cẩn thận màu hoặc khoanh vùng những địa điểm dễ bị tổn thương (nhà tạm, vùng trũng và các tuyến đường dễ bị ngập,...).
- Xác định các khu vực dự trữ vật tư, phương tiện phòng chống thiên tai, các tuyến đường lánh nạn, sơ tán, các công trình công cộng có thể kết hợp làm nơi sơ tán dân,...

PHẦN IV: PHỤ LỤC VÀ BIỂU MẪU

| | |
|---|-----------------|
| PHỤ LỤC 1. NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ NHÓM CỘNG ĐỒNG | Trang 42 |
| PHỤ LỤC 2. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC (NGUỒN LỰC) PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI | Trang 46 |
| PHỤ LỤC 3. BA LĨNH VỰC VÀ BA KHÍA CẠNH TRONG ĐÁNH GIÁ RRTT-DVCD | Trang 47 |
| PHỤ LỤC 4. LƯU Ý CHO NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT | Trang 49 |
| PHỤ LỤC 5. LƯU Ý KHI ĐÁNH GIÁ VỚI NHÓM NGƯỜI DỄ BỊ TỔN THƯƠNG | Trang 50 |
| PHỤ LỤC 6. MẪU THÔNG TIN CƠ BẢN | Trang 55 |
| PHỤ LỤC 7. DANH MỤC CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI | Trang 58 |
| PHỤ LỤC 8. MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI | Trang 60 |
| PHỤ LỤC 9. VÍ DỤ VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI | Trang 62 |
| 9.1. CÔNG CỤ LỊCH SỬ THIÊN TAI | Trang 62 |
| 9.2. CÔNG CỤ LỊCH THEO MÙA | Trang 66 |
| 9.3. CÔNG CỤ SƠ HỌA BẢN ĐỒ RỦI RO THIÊN TAI | Trang 69 |
| 9.4. CÔNG CỤ ĐIỂM MẠNH VÀ YẾU TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI | Trang 71 |
| 9.5. CÔNG CỤ TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI | Trang 72 |
| 9.6. CÔNG CỤ XẾP HẠNG | Trang 75 |
| 9.7. CÔNG CỤ PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN VÀ TỔNG HỢP CÁC GIẢI PHÁP PCTT | Trang 76 |

PHỤ LỤC 1. NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ NHÓM CỘNG ĐỒNG

(Trích dẫn theo Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 22 tháng 8 năm 2011 của Tổng cục Thủy lợi phê duyệt nội dung tài liệu tham khảo Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng).

1. Nhóm hỗ trợ kỹ thuật

1.1 Cơ cấu tổ chức

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật sẽ được UBND các cấp quyết định thành lập, trong đó quy định rõ thành viên, vai trò, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các thành viên trong Nhóm.
- Về thành viên Nhóm hỗ trợ kỹ thuật các cấp gồm các ban, ngành và các cơ quan liên quan. Trên cơ sở kinh nghiệm và thế mạnh của các tổ chức xã hội, đoàn thể tại địa phương, Nhóm hỗ trợ kỹ thuật phải có sự tham gia của các tổ chức trên địa bàn như: Mặt trận tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ có trụ sở đóng tại địa phương,... đặc biệt chú trọng đến vấn đề giới và quan hệ xã hội giữa các nhóm đối tượng.
- Trưởng nhóm, các Phó Trưởng nhóm và các thành viên của các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật:
 - Trưởng Nhóm: Đối với cấp tỉnh sẽ là Chánh văn phòng hoặc Phó Chánh văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCLB&TKCN; đối với cấp huyện là Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT; đối với cấp xã là Phó Chủ tịch xã.
 - Các Phó Trưởng nhóm chịu trách nhiệm kỹ thuật theo sự phân công của Trưởng nhóm. Các Phó trưởng nhóm nên lựa chọn từ cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm và hiện đang công tác trên địa bàn.

1.2 Nhiệm vụ của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật

1.2.1 Nhiệm vụ chung

- Tham mưu cho Cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai (với cấp xã là UBND xã) để triển khai các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại địa phương.
- Phối hợp với các ban ngành địa phương thực hiện một số nhiệm vụ sau:
 - Hướng dẫn kỹ thuật cho các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp dưới và Nhóm cộng đồng, trực tiếp triển khai các hoạt động chuyên môn được giao.
 - Chịu trách nhiệm trước cơ quan thường trực các cấp về việc theo dõi, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn, đảm bảo đạt được mục đích, nội dung và hiệu quả.

1.2.2 Nhiệm vụ chuyên biệt

Giảng viên, tuyên truyền viên

- Tổ chức đánh giá nhu cầu tập huấn về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại các cơ quan các cấp và cộng đồng người dân.
- Tham mưu cho Cơ quan thường trực các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch tập huấn.

- Phối hợp và tham gia xây dựng nội dung tài liệu tập huấn về QLTT-DVCD.
- Tham gia tổ chức và là giảng viên chính cho các khóa tập huấn cho cộng đồng và cho các cán bộ triển khai công tác QLTT-DVCD tại các cấp tỉnh, huyện, xã và cho cộng đồng người dân.
- Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả các khóa tập huấn và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo như: nội dung tài liệu đào tạo, kỹ năng và phương pháp đào tạo phù hợp.

Đánh giá rủi ro

- Tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai trong phạm vi cộng đồng, xã, huyện, tỉnh.
- Tổ chức việc thu thập số liệu phục vụ đánh giá rủi ro thiên tai và xây dựng cơ sở dữ liệu.
- Tham mưu cho cơ quan thường trực các cấp xây dựng kế hoạch triển khai Đề án hàng năm trong phạm vi tỉnh, huyện, xã.
- Phối hợp và tham gia xây dựng nội dung tài liệu tập huấn về đánh giá rủi ro thiên tai.
- Phối hợp và tham gia tổ chức và là giảng viên cho các khóa tập huấn cho cộng đồng và các cán bộ triển khai công tác đánh giá rủi ro thiên tai tại cấp tỉnh, huyện, xã và cho cộng đồng người dân.
- Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả đánh giá rủi ro thiên tai.

Theo dõi, đánh giá

- Tổ chức đánh giá, theo dõi kết quả và tiến độ thực hiện các hoạt động trong kế hoạch hàng năm, 05 năm của địa phương.
- Tham mưu cho cơ quan thường trực các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, đánh giá.
- Phối hợp và tham gia xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá và hướng dẫn cho địa phương mình.
- Tham gia tổ chức và là giảng viên chính cho các khóa tập huấn cho các cán bộ triển khai công tác quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại cấp tỉnh, huyện, xã và cho cộng đồng người dân.
- Xây dựng báo cáo quý, hàng năm, 05 năm về theo dõi, đánh giá kết quả các hoạt động và đề xuất kiến nghị các giải pháp nâng cao chất lượng theo dõi và đảm bảo tiến độ thực hiện.

1.2.3 Nhiệm vụ của Trưởng nhóm, Phó Trưởng nhóm hỗ trợ kỹ thuật

Trưởng nhóm

- Trên cơ sở chỉ đạo của Cơ quan thường trực các cấp, xây dựng kế hoạch, nội dung tham mưu trình lãnh đạo Cơ quan thường trực đưa ra các định hướng và kế hoạch cụ thể.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Nhóm để sơ kết tiến độ triển khai, thực hiện nội dung các hoạt động QLTT-DVCD.
- Phân công nhiệm vụ cho các Phó Trưởng nhóm và các thành viên trong nhóm; kiểm tra, hướng dẫn và hỗ trợ các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp dưới về chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tổng hợp và báo cáo định kỳ 6 tháng, cả năm và khi cần thiết cho Cơ quan thường trực để tham mưu UBND các cấp chỉ đạo thực hiện.

Phó Trưởng nhóm

- Trợ giúp Trưởng nhóm trong việc thực hiện các nhiệm vụ trên.
- Thực thi nhiệm vụ của Trưởng nhóm khi Trưởng nhóm bận công việc khác.

2. Nhóm cộng đồng

2.1 Cơ cấu tổ chức

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng xã, Nhóm cộng đồng được UBND cấp xã quyết định thành lập, trong đó quy định rõ thành viên, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các thành viên trong nhóm, giữa nhóm với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã.
- Thành viên Nhóm cộng đồng sẽ do người dân bầu ra trên cơ sở kiến thức, kinh nghiệm... Cần chú trọng đến vấn đề giới và quan hệ xã hội giữa các nhóm cộng đồng.
- Trưởng Nhóm cộng đồng là Trưởng thôn, bản hoặc khu dân cư.

2.2 Nhiệm vụ của Nhóm cộng đồng

2.2.1 Nhiệm vụ chung

Phối hợp với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Kế hoạch triển khai Đề án cấp xã tại địa bàn.

2.2.2 Nhiệm vụ chuyên biệt

Tuyên truyền viên

- Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng về nhu cầu tập huấn về QLTT-DVCD.
- Phối hợp với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã để tham mưu cho UBND xã xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, tập huấn.
- Phối hợp và tham gia xây dựng nội dung tài liệu tập huấn, tài liệu tuyên truyền về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
- Tham gia tổ chức các khóa tập huấn cho cộng đồng.
- Góp ý về bản báo cáo đánh giá kết quả các khóa tập huấn và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo như: nội dung tài liệu, kỹ năng và phương pháp đào tạo phù hợp...

Đánh giá rủi ro

- Tham gia đánh giá rủi ro thiên tai trong phạm vi cộng đồng.
- Tham gia thu thập số liệu phục vụ đánh giá rủi ro thiên tai, và xây dựng cơ sở dữ liệu.
- Tham gia tổ chức các khóa tập huấn cho cộng đồng.
- Góp ý cho bản báo cáo đánh giá kết quả đánh giá rủi ro thiên tai.

Theo dõi, đánh giá

- Tham gia giám sát, theo dõi và đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm, 05 năm tại khu vực cộng đồng sinh sống.

- Phối hợp với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã tham mưu cho UBND xã xây dựng hệ thống chỉ số phục vụ giám sát, đánh giá và kế hoạch giám sát, đánh giá.
- Phối hợp và góp ý trong quá trình theo dõi, đánh giá.
- Góp ý cho bản báo cáo hàng năm, 05 năm về theo dõi, đánh giá kết quả các hoạt động và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng theo dõi, đánh giá nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện.

2.2.3 Nhiệm vụ của Trưởng nhóm

- Phối hợp với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã xây dựng kế hoạch, tham mưu trình UBND xã đưa ra các định hướng và kế hoạch cụ thể.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Nhóm để sơ kết tiến độ triển khai, thảo luận về các hoạt động QLTT-DVCEĐ đã thực hiện.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm; trợ giúp Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã triển khai các hoạt động tại cộng đồng.
- Tham gia tổng hợp và báo cáo định kỳ 6 tháng và cả năm cho UBND xã.

PHỤ LỤC 2. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC (NGUỒN LỰC) PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

| STT | Tên mục | Đơn vị | Tổng toàn xã | Phân chia theo thôn | | | | | Ghi chú |
|------------|---|--------|--------------|---------------------|---|---|---|-----|---------|
| | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | ... | |
| I | Con người | | | | | | | | |
| 1 | Ban chỉ huy các cấp Thành phần: | Người | | | | | | | |
| 2 | Lực lượng cơ động Thành phần: | Người | | | | | | | |
| 3 | Lực lượng thanh niên xung kích Thành phần: | Người | | | | | | | |
| 4 | Lực lượng dự bị động viên Thành phần: | Người | | | | | | | |
| 5 | Lực lượng dân quân Thành phần: | Người | | | | | | | |
| 6 | Lực lượng cứu hộ cứu nạn Thành phần: | Người | | | | | | | |
| 7 | Lực lượng y tế | Người | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| II | Cơ sở hạ tầng | | | | | | | | |
| 1 | Đường bê tông, đường di tản an toàn | Km | | | | | | | |
| 2 | Nhà kiên cố là nơi trú ẩn an toàn | Cái | | | | | | | |
| 3 | Hệ thống đê bao, bờ bao | Km | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| III | Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hậu cần | | | | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn | | | | | | | | |
| | Ô tô | Cái | | | | | | | |
| | Thuyền máy | Cái | | | | | | | |
| | Thuyền cứu hộ | Cái | | | | | | | |
| | Áo phao | Cái | | | | | | | |
| | Phao cứu sinh | Cái | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| 2 | Hệ thống thông tin liên lạc | | | | | | | | |
| | Trạm phát thanh | Cái | | | | | | | |
| | Loa phóng thanh | Cái | | | | | | | |
| | Điện thoại liên lạc | Cái | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|------------------------------|-------|--|--|--|--|--|--|--|
| | ... | | | | | | | | |
| 3 | Vật tư dự trữ | | | | | | | | |
| | Tre, nứa... | Cây | | | | | | | |
| | Bao tải cát, rọ thép | Cái | | | | | | | |
| | Bạt | Cái | | | | | | | |
| | Dây buộc | Cuộn | | | | | | | |
| | Cát, đá, sỏi | Tấn | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| 4 | Lương thực, thực phẩm dự trữ | | | | | | | | |
| | Gạo | Kg | | | | | | | |
| | Nước uống | Lít | | | | | | | |
| | Mì tôm | Thùng | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| 5 | Dụng cụ y tế | | | | | | | | |
| | Hộp thuốc dự phòng | Cái | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |

PHỤ LỤC 3. BA LĨNH VỰC VÀ BA KHÓA CẠNH TRONG ĐÁNH GIÁ RRTT-DVCD

Lĩnh vực An toàn cộng đồng gồm nội dung sau:

| Vật chất (VC) | Tổ chức xã hội (TCXH) | Nhận thức, Kinh nghiệm, Thái độ, động cơ (NTKN) |
|--|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ✓ Nhà ở (vị trí, chất lượng nhà liên quan đến tác động của thiên tai); ✓ Công trình công cộng (điện, đường, trường, trạm); ✓ Phương tiện, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; Hệ thống cảnh báo/thông tin liên lạc..; | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Ban phòng chống thiên tai xã, thôn, Đội xung kích, (cách tổ chức, số nam, nữ tham gia và năng lực...); ✓ Kế hoạch phòng chống thiên tai và phối hợp thực hiện kế hoạch của xã, thôn (Người dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên...); | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Kinh nghiệm, kiến thức phòng, chống thiên tai; ✓ Hiểu biết và kinh nghiệm của người dân trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sau thiên tai; ✓ Ý thức phòng, chống thiên tai của người dân (ý thức chấp hành lệnh sơ tán dân, huy động vật tư nhân lực của chính quyền địa phương...). |

Lĩnh vực Sản xuất, kinh doanh gồm nội dung sau:

| Vật chất (VC) | Tổ chức xã hội (TCXH) | Nhận thức, Kinh nghiệm, Thái độ, động cơ (NTKN) |
|---|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ✓ Phương tiện phục vụ sản xuất (đất trồng trọt, diện tích mặt nước cho nuôi trồng thủy sản, vật tư nông ngư nghiệp, nông ngư cụ, vốn, giống cây trồng, vật nuôi, công cụ sản xuất hàng thủ công...); ✓ Cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất kinh doanh (hệ thống thủy lợi, đê, kè, hồ chứa, đường, chợ, nhà xưởng...); | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hội nông dân, tổ chức khuyến nông, hợp tác xã, các tổ chức nghề nghiệp tại địa phương...; ✓ Các chính sách, chương trình, qui định... hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh; ✓ Công tác hỗ trợ cho sản xuất, kinh doanh (tập huấn hướng dẫn, phòng trừ dịch bệnh, bảo hiểm, bao tiêu sản phẩm...); ✓ Sự tham gia của nam/nữ trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh; | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Kiến thức, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh; ✓ Nhận thức của người dân về chuyển đổi sản xuất kinh doanh thích ứng với Biến đổi khí hậu; ✓ Kế hoạch chuyển đổi ngành nghề, giống cây trồng, vật nuôi... phù hợp với thời tiết, thiên tai. |

Lĩnh vực Sức khỏe, vệ sinh, môi trường gồm nội dung sau:

| Vật chất (VC) | Tổ chức xã hội (TCXH) | Nhận thức, Kinh nghiệm, Thái độ, động cơ (NTKN) |
|--|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> ✓ Cơ sở vật chất về chăm sóc sức khỏe địa phương (Điện, đường, trường, trạm, nguồn cung cấp nước sạch và trang thiết bị y tế...); ✓ Điều kiện cơ sở vật chất về vệ sinh, môi trường (nhà vệ sinh, bếp, chuồng trại,...); ✓ Điều kiện thu gom và xử lý rác thải, hệ thống thoát nước; | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Các chính sách, qui định bảo vệ sức khỏe, vệ sinh, môi trường (qui chế bảo vệ môi trường, xử lý rác thải...); ✓ Công tác bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe (mạng lưới y tế cộng đồng, nhóm bảo vệ rừng/nước, dịch vụ thu gom rác thải...); | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Ý thức và kinh nghiệm của người dân đối với việc chăm sóc và điều trị bệnh (sử dụng thuốc nam, cơ sở chữa bệnh tại cộng đồng...); ✓ Ý thức bảo vệ môi trường của người dân; ✓ Thói quen bảo vệ sức khỏe, sử dụng nước, xử lý rác thải; |

PHỤ LỤC 4. LƯU Ý CHO NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật được chia ra làm các nhóm nhỏ để tiến hành các công cụ đánh giá với cộng đồng, mỗi công cụ cần có ít nhất là 1 người hướng dẫn và 1 người ghi chép.

| NGƯỜI HƯỚNG DẪN | |
|--------------------------|---|
| Vai trò: | <ul style="list-style-type: none">Hướng dẫn sử dụng các công cụ đánh giá và thúc đẩy thảo luận để đạt được mục tiêu.Phân công cụ thể nhiệm vụ các thành viên tham gia. |
| Hoạt động: | <ul style="list-style-type: none">Giới thiệu các công cụ đánh giá cho nhóm thảo luận.Hướng dẫn và đưa ra các câu hỏi thảo luận.Thúc đẩy thảo luận để đảm bảo tất cả thành viên đều có thể đóng góp ý kiến của mình, nhất là nhóm người dễ bị tổn thương. Diễn đạt lại ý kiến của cộng đồng để đảm bảo hiểu đúng.Lồng ghép nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong quá trình thảo luận.Quản lý thời gian. |
| Thái độ, kĩ năng: | <ul style="list-style-type: none">Linh hoạt, kiên nhẫn, khuyến khích, hài hước là một lợi thế.Tạo sự gần gũi, chan hòa.Tránh sử dụng thuật ngữ phức tạp, nên sử dụng ngôn ngữ địa phương.Chỉ ở vị trí thúc đẩy chứ không phải lãnh đạo, thúc đẩy tối đa sự tham gia của cộng đồng.Lắng nghe cẩn thận ý kiến của tất cả thành viên, không dạy bảo, không áp đặt ý kiến đúng/sai khi chưa có sự trao đổi thảo luận rõ ràng, ... |

| NGƯỜI GHI CHÉP | |
|--------------------------|---|
| Vai trò: | <ul style="list-style-type: none">Ghi chép lại tất cả thông tin quan trọng và nhận xét liên quan trong quá trình đánh giá |
| Hoạt động: | <ul style="list-style-type: none">Mang theo vật dụng cần thiết để tổ chức buổi đánh giáQuan sát, ghi chép đầy đủ các thông tin trong cuộc họp, thảo luận và báo cho người hướng dẫn khi có thông tin quan trọng.Hỗ trợ người hướng dẫn chính trong quá trình thúc đẩy.Hỗ trợ nhóm thảo luận ghi chép chính xác những ý kiến thảo luận vào giấy/văn bản/sơ đồ, đảm bảo tính trung thực, đúng trình tự, ngày giờ, địa điểm |
| Thái độ, kĩ năng: | <ul style="list-style-type: none">Là người có kĩ năng quan sát và ghi chép tốt.Có khả năng trình bày logic, tổng hợp kết quả chính xác |

PHỤ LỤC 5. LƯU Ý KHI ĐÁNH GIÁ VỚI NHÓM NGƯỜI DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

Với đối tượng trẻ em và người khuyết tật, tham khảo thêm các công cụ và lưu ý đánh giá của các tổ chức khác: Trẻ em (Live&Learn, Plan, Save the Children, Hội chữ thập đỏ Đức) và người khuyết tật (Malterser, DRD).

| Đối tượng | Những yếu tố góp phần vào tình trạng dễ bị tổn thương | Năng lực | Khuyến nghị cho đánh giá |
|---------------|--|--|--|
| Trẻ em | <ul style="list-style-type: none"> Không có sức khỏe như người lớn. Sự tò mò có thể dẫn đến các hoàn cảnh rủi ro. Không có kiến thức, kinh nghiệm như người lớn. Ít có khả năng kiểm soát cảm xúc và có thể trải qua các tác động tâm lí do các hoàn cảnh khó khăn gây ra. | <ul style="list-style-type: none"> Có thể đóng góp đáng kể, hỗ trợ gia đình và cộng đồng khi diễn ra những tác động đầu tiên và sau thiên tai. Các em lớn hơn có thể chăm sóc trẻ nhỏ. Mạng lưới hỗ trợ các bạn cùng lứa tuổi. Có thể tổ chức các đội tình nguyện thúc đẩy việc bảo vệ/ an toàn của trẻ em ở trường học và cộng đồng. Khả năng học hỏi nhanh. Rất tự nhiên, trẻ em linh hoạt hơn so với người lớn trong tưởng tượng và suy nghĩ rộng hơn ngoài cách nghĩ bó hẹp thông thường.. | <ul style="list-style-type: none"> Lấy thông tin về tổng số trẻ em theo nhóm tuổi và giới tính (Trẻ em có các nhu cầu cụ thể theo từng độ tuổi và giới tính). Trẻ em nhìn nhận các vấn đề khác với người lớn, do trẻ em tương tác với môi trường khác và do đặc điểm của mạng lưới xã hội. Do đó, các hoạt động đánh giá RRTT với trẻ em sẽ có nhiều khả năng mang lại thông tin bổ trợ. Đánh giá RRTT với trẻ em phải tùy thuộc vào độ tuổi. Các em nhỏ có thể cần hướng dẫn nhiều hơn như vẽ tranh. Các em từ 10 tuổi trở lên có thể tham gia thảo luận nhóm hoặc thậm trí tổ chức một hội thảo để điều tra về tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực. Lập bản đồ là một công cụ rất hữu hiệu với trẻ em bởi trẻ thường dành nhiều thời gian hơn so với người lớn ở một số khu vực ở địa phương (đặc biệt ở các khu đô thị). Thảo luận nhóm với trẻ em thường cung cấp thông tin về các vấn đề xã hội mà người lớn không cho là vậy. “Trẻ nhỏ, trẻ vị thành niên và thanh niên sẽ trải qua nhiều thay đổi nhất so với những người khác trong cộng đồng trong suốt cuộc đời của họ. Điều quan trọng là phải thu thập không chỉ thông tin về họ mà còn phải đảm bảo họ tham gia vào thảo luận về những thay đổi đó và lựa chọn chiến lược để giải quyết chúng.” |

| | | | |
|------------------------------|---|--|--|
| <p>Phụ nữ</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Các yếu tố thể chất: thai nghén, thể lực, quần áo • Các nhu cầu về sức khỏe sinh sản (thai nghén, sinh con) • Việc hạ thấp giá trị của phụ nữ/ thiếu nữ trong văn hóa ở một số vùng • Kỳ thị xã hội đối với những phụ nữ đơn thân (như góa bụa, chủ hộ gia đình) • Cơ hội việc làm khác nhau và tiền lương thấp hơn so với nam giới. • Ít cơ hội và kinh nghiệm hơn để nêu lên những lo ngại của bản thân • Ít có cơ hội để tiếp cận thông tin. | <ul style="list-style-type: none"> • Trong và sau thiên tai phụ nữ là những người có vai trò quan trọng, không thụ động trong công tác ứng phó và khôi phục. • Những hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ không nhất thiết là những người nghèo nhất hay dễ bị tổn thương nhất. • Phụ nữ không phải là những người phụ thuộc về kinh tế mà là những người sản xuất, người làm công tác xã hội và có thu nhập. • Phụ nữ nắm giữ những hiểu biết riêng về giới có ý nghĩa quan trọng đối với việc ra quyết định. | <ul style="list-style-type: none"> • Huy động phụ nữ và nam giới trong quá trình đánh giá RRTT một cách bình đẳng. • Nên khuyến khích các thảo luận nhóm với phụ nữ ở cộng đồng với các hướng dẫn viên là nữ. • Thu thập các dữ liệu về giới (tổng số phụ nữ, gồm cả dữ liệu về phụ nữ đang thai nghén và cho con bú). • Xác định và đánh giá các nhu cầu giới. • Xác định và khuyến khích phụ nữ tham gia đóng góp ý kiến trong việc tuyên truyền, phổ biến thông tin về thiên tai cũng như công tác chuẩn bị, phòng ngừa trong trường học và ở các hộ gia đình, đoàn kết cộng đồng, nhận thức cộng đồng, sơ cấp cứu v.v. • Đánh giá các tác động ngắn hạn và dài hạn của các chương trình đối với nữ giới/nam giới trong tất cả các sáng kiến về phòng, chống thiên tai. |
| <p>Người cao tuổi</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Thể trạng và sức khỏe yếu • Khó khăn về tài chính • Có thể không muốn rời khỏi nhà khi có lệnh sơ tán • Thiếu tiếp cận với thông tin • Không muốn trở thành một gánh nặng cho con cháu, do vậy có thể không dễ dàng chấp nhận sự giúp đỡ của con cháu. | <ul style="list-style-type: none"> • Có kinh nghiệm dân gian và thực tiễn về thiên tai • Được cộng đồng kính trọng, có ảnh hưởng đến cộng đồng (có thể đóng vai trò quan trọng trong đánh giá RRTT) • Hiểu biết về lịch sử. | <ul style="list-style-type: none"> • Những người cao tuổi có vai trò quan trọng khi thực hiện công cụ Lịch sử thiên tai và một số công cụ liên quan. • Người cao tuổi cung cấp kinh nghiệm và thông tin về lịch sử có thể giúp xác định các xu hướng trong tương lai (đặc biệt là tác động của biến đổi khí hậu). • Việc sử dụng các công cụ này cũng là một cơ hội hữu ích cho việc chia sẻ các thông tin lịch sử cho các thành viên trẻ trong cộng đồng. |

| | | | |
|--------------------------------------|---|--|---|
| <p>Người khuyết tật (NKT)</p> | <ul style="list-style-type: none"> Không có hoặc ít khả năng tiếp cận được với các nguồn hỗ trợ Kỳ thị xã hội Hạn chế về các lựa chọn sinh kế Hạn chế trong tiếp cận với công tác sơ tán (và thông tin) trong thiên tai. Khó khăn trong cuộc sống, đặc biệt về kinh tế. Thiếu hoặc không được tiếp cận về quyền và các chính sách của người khuyết tật (và một bộ phận trong xã hội, gia đình của người khuyết tật cũng không nắm rõ). Luôn tự ti và mặc cảm Một số thường sống cô lập không muốn tiếp xúc bên ngoài. | <ul style="list-style-type: none"> Có thể huy động để nâng cao nhận thức và phổ biến thông tin Có thể đóng vai trò quan trọng trong ứng phó thiên tai và các hoạt động cứu trợ (như làm nhân viên hỗ trợ...) Có thể tham gia duy trì mạng lưới xã hội Có thể dựa vào kinh nghiệm của người khuyết tật để lên kế hoạch cho các cộng đồng an toàn hơn (một cộng đồng có mọi thành phần tham gia an toàn hơn cho tất cả mọi người sống ở đó). | <ul style="list-style-type: none"> Có các loại và mức độ khuyết tật khác nhau (thể chất, nghe/nói, nhìn, trí tuệ, bệnh tâm thần). Cần phải quan tâm đến điều này khi tiến hành đánh giá RRTT. Cần huy động NKT tham gia vào đánh giá RRTT. Luôn xem xét loại bỏ các rào cản mà NKT có thể gặp phải khi tham gia các hoạt động chung với cộng đồng. Trong tình huống thiên tai, người trực tiếp giúp đỡ cho NKT cũng cần phải được xem xét trợ giúp. Phải tổ chức thảo luận nhóm tập trung với NKT để họ có cơ hội bày tỏ quan điểm và ý tưởng của mình. Khuyến khích NKT tham gia vào việc lập bản đồ (để mọi người đều có thể hiểu biết và sử dụng được các tuyến đường sơ tán) Nói chuyện trực tiếp với NKT bởi họ chính là nguồn thông tin tốt nhất về các nhu cầu của họ. Chuẩn bị để thực hiện đánh giá với các phương tiện giao tiếp thay thế (bản vẽ, biểu tượng, ngôn ngữ cơ thể, v.v.). Đảm bảo truyền tải các thông điệp dưới nhiều dạng khác nhau phù hợp với NKT. |
| <p>Nhóm dân tộc thiểu số</p> | <ul style="list-style-type: none"> Thiếu tiếp cận giáo dục, thông tin và kỹ năng an toàn trong thiên tai. Thường sống ở các vùng sâu, vùng xa, hẻo lánh và có thể ở những nơi nguy hiểm, cơ sở hạ tầng kém phát triển. Xã hội có ít hiểu biết về các phong tục tập quán của một số dân tộc thiểu số. Mức nghèo cao. Thu nhập phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và môi trường. Thiếu hiểu biết về ngôn ngữ phổ thông. | <ul style="list-style-type: none"> Mức độ hỗ trợ lẫn nhau tốt. Nơi trú ẩn tự nhiên tốt. Văn hóa và truyền thống được truyền từ đời này sang đời khác. Có kiến thức sử dụng các nguyên vật liệu địa phương. Huy động sức mạnh của cộng đồng. Kiến thức bản địa về ứng phó với thiên tai. | <ul style="list-style-type: none"> Tìm hiểu về khả năng bản địa trong việc ứng phó với thiên tai. Có thể cung cấp thông tin quan trọng về tác động của biến đổi khí hậu khi sử dụng công cụ Lịch sử thiên tai và các công cụ liên quan khác. Chuẩn bị phiên dịch khi có khác biệt về ngôn ngữ. |

| | | | |
|---------------------------|--|---|---|
| <p>Người nghèo</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp. • Nhà ở tạm bợ. • Phần lớn là dân nhập cư ở các địa phương. • Ít được tiếp cận với giáo dục • Thiếu vốn và thường phải làm thêm nhiều giờ. • Vấn đề sức khỏe do thiếu chăm sóc y tế. • Sống trong các điều kiện môi trường rất tồi tàn. • Thường phải chăm sóc nhiều con. • Dân mới nhập cư có độ gắn kết xã hội thấp. • Phải chịu các tiêu cực xã hội và các bất bình đẳng trong xã hội. • Khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ phúc lợi xã hội và công trình công cộng như bệnh viện, trường học, v.v. • Người nghèo ở nông thôn thường phụ thuộc vào nông nghiệp và điều này dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương trước thiên tai. | <ul style="list-style-type: none"> • Đa dạng về sinh kế nên khả năng phục hồi nhanh. • Sẵn sàng hỗ trợ người khác trong cộng đồng. • Linh hoạt trong tìm kiếm sinh kế. • Thích ứng nhanh với môi trường sống mới. | <ul style="list-style-type: none"> • Bố trí thời gian hợp lý, để huy động được sự tham gia của người nghèo phù hợp với từng vùng. • Dành thời gian xem xét các nguyên nhân sâu xa gây ra đối với các hộ nghèo, cũng là một trong những nguyên nhân của tình trạng dễ bị tổn thương trong thiên tai. |
|---------------------------|--|---|---|

Bảng các yếu tố dễ bị tổn thương

| STT | Tên mục | Đơn vị | Tổng toàn xã | Phân chia theo thôn | | | | | Ghi chú |
|------------|--|--------|--------------|---------------------|---|---|---|-----|---------|
| | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | ... | |
| I | Con người | | | | | | | | |
| 1 | Trẻ em | Người | | | | | | | |
| 2 | Người già | Người | | | | | | | |
| 3 | Người khuyết tật | Người | | | | | | | |
| 4 | Phụ nữ đang mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi | Người | | | | | | | |
| 5 | Phụ nữ đơn thân | Người | | | | | | | |
| 6 | Số hộ nghèo | Hộ | | | | | | | |
| 7 | Người bị bệnh hiểm nghèo | Người | | | | | | | |
| 8 | Số người bị sơ tán, di dời trước thiên tai | Người | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| II | Cơ sở hạ tầng | | | | | | | | |
| 1 | Nhà tạm, dễ sập | Cái | | | | | | | |
| 2 | Nhà ven sông, ven suối | Cái | | | | | | | |
| 3 | Nhà ven núi, sườn đồi, mái dốc | Cái | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| III | Sản xuất | | | | | | | | |
| 1 | Vùng dễ bị ngập lụt | ha | | | | | | | |
| 2 | Vùng dễ bị hạn hán | ha | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |

PHỤ LỤC 6. MẪU THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Đặc điểm địa lý

(Tóm tắt các thông tin về vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, ranh giới của xã)

2. Tình hình dân số

2.1 Tình hình dân số

| Dân số | Xã/thôn | | |
|---|---------|-----|----|
| | Tổng | Nam | Nữ |
| Số hộ | | | |
| Số khẩu | | | |
| Số hộ nghèo | | | |
| Độ tuổi lao động (18-60 tuổi) | | | |
| Đối tượng dễ bị tổn thương: | | | |
| Người cao tuổi | | | |
| Trẻ em | | | |
| Người khuyết tật | | | |
| Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi | | | |
| Người bị bệnh hiểm nghèo | | | |

2.2 Phân bố dân cư

| TT | Thôn | Số hộ | Số khẩu | Số hộ nghèo | Đối tượng dễ bị tổn thương | | | | |
|----|------|-------|---------|-------------|----------------------------|--------|-----|--------|--------------------------|
| | | | | | Người cao tuổi | Trẻ em | NKT | Phụ nữ | Người bị bệnh hiểm nghèo |
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | |
| | Tổng | | | | | | | | |

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên)

| TT | Loại đất | Diện tích (ha) | Loại hình sản xuất |
|----|-----------------------------|----------------|--------------------|
| 1 | Tổng diện tích đất tự nhiên | | |
| 2 | Đất thổ cư | | |
| 3 | Đất nông nghiệp | | |
| 4 | Đất lúa nước | | |
| 5 | Đất trồng cây lâu năm | | |
| 6 | Đất rừng | | |
| 7 | Đất nuôi trồng thủy sản | | |

PHẦN IV: PHỤ LỤC VÀ BIỂU MẪU

| | | |
|----------|--|--|
| ... | | |
| Đất khác | | |

4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh

| TT | Hoạt động sản xuất, kinh doanh | Diện tích/Quy mô | % hộ tham gia | Thu nhập trung bình (người/năm) |
|----|---|------------------|---------------|---------------------------------|
| 1 | Sản xuất nông nghiệp - Lúa - Rau màu - Cây công nghiệp | | | |
| 2 | Sản xuất lâm nghiệp | | | |
| 3 | Sản xuất tiểu thủ công nghiệp | | | |
| 4 | Buôn bán nhỏ và tiểu thương | | | |
| 5 | Nuôi trồng thủy sản | | | |
| 6 | Dịch vụ | | | |
| 7 | Nghề khác | | | |

5. Hạ tầng cơ sở

| TT | Cơ sở hạ tầng | Năm xây dựng/sử dụng | Số lượng/ Chất lượng | Ghi chú (ghi rõ chi tiết tình hình hiện trạng như thế nào) |
|----|---|----------------------|-------------------------|---|
| 1 | Điện dân dụng | | | |
| 2 | Đường giao thông | | | |
| 3 | Trường học các cấp - Cấp I - Cấp II - Cấp III | | | (Mỗi cấp học ghi cụ thể số trường, số lớp, số học sinh – đã đạt chuẩn quốc gia chưa? Nhà cao tầng?) |
| 4 | Nhà trẻ, Mẫu giáo | | | (Ví dụ như đã xuống cấp hoặc quá tải...) |
| 5 | Trạm y tế | | | (Đạt chuẩn quốc gia chưa?) |
| 6 | Công sở - Trụ sở UBND xã - Trụ sở Ban Nhân dân thôn/khu phố | | | (Nhà cao tầng?) |
| 7 | Nhà trú ẩn đa năng | | | |
| 8 | Chợ | | | |
| 9 | Nhà máy nước | | | |
| 10 | ... | | | |

6. Nhà ở

| TT | Tên thôn | Số hộ | Nhà kiên cố (cấp 1, 2, 3) | Nhà bán kiên cố (cấp 4) | Nhà tạm bợ |
|----|----------|-------|---------------------------|-------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| | Tổng số | | | | |

7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

| Tên thôn | Số hộ | Nguồn nước sạch | | | | Nhà vệ sinh | | |
|----------|-------|-----------------|---------|--|--------------------------|-------------|-----|----------|
| | | Giếng đào | Bể chứa | Trạm cấp nước công cộng/ nước máy/tự chảy | Không có dụng cụ chứa | Tự hoại | Tạm | Không có |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | |

8. Y tế (Những dịch bệnh liên quan đến thiên tai thường gặp ở địa phương)

| Loại dịch bệnh liên quan đến người | Đối tượng (ghi rõ số người và năm) | | | | | |
|---------------------------------------|------------------------------------|--------|-----|-------------------|-----|-----------------------------|
| | Trẻ em | Phụ nữ | Nam | Người cao tuổi | NKT | Người bị bệnh hiểm nghèo |
| Sốt rét | | | | | | |
| Viêm đường hô hấp | | | | | | |
| Tay chân miệng | | | | | | |
| ... | | | | | | |

9. Công tác phòng, chống thiên tai

Mô tả thông tin về:

- Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai.
- Sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong phòng, chống thiên tai.
- Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.
- Cơ sở vật chất và trang thiết bị phòng, chống thiên tai.
 - Phương tiện dùng trong thiên tai (thuyền, áo phao, xe bò...).
 - Trang thiết bị (loa, điện thoại, máy bộ đàm, tivi...).
 - Công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè, âu thuyền, biển báo...).

PHỤ LỤC 7. DANH MỤC CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Danh mục các biện pháp trước, trong và sau thiên tai

| Trước thiên tai | Trong thiên tai | Sau thiên tai |
|--|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ✓ Kỹ thuật công trình: Xây dựng công trình phòng tránh, gia cố và sửa chữa nhà cửa và các nơi xung yếu; ... ✓ Hệ thống thông tin: Phát triển hệ thống cảnh báo sớm, thông tin liên lạc, cứu hộ và kế hoạch di dời; ... ✓ Cơ chế chính sách và chiến lược: Xây dựng chính sách liên quan, Xây dựng phương án phòng chống thiên tai hàng năm... ✓ Các hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững: Xây dựng lịch gieo trồng và thu hoạch tránh ảnh hưởng thiên tai; thay đổi cơ cấu mùa vụ và giống vật nuôi, cây trồng phù hợp, ... ✓ Tập huấn, nâng cao nhận thức cộng đồng: Thành lập các nhóm cứu hộ và tổ chức diễn tập; trang bị kiến thức về thiên tai và tăng cường năng lực ứng phó thiên tai cho cộng đồng, ... ✓ Các hoạt động phòng ngừa thiên tai khác: dự trữ lương thực, thực phẩm, nước sạch và thuốc men, dự trữ cây giống, ... | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Cứu trợ khẩn cấp: Phát động kế hoạch cứu trợ khẩn cấp; Tìm kiếm và cứu hộ; ✓ Sơ tán: Tiến hành sơ tán cộng đồng đến nơi an toàn;... ✓ Chăm sóc sức khỏe: Y tế; Hỗ trợ lương thực, thực phẩm cứu trợ;... ✓ Vệ sinh môi trường: Đảm bảo nước sạch và vệ sinh;... | <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hỗ trợ phục hồi sau thiên tai để đảm bảo các dịch vụ cơ bản cho cộng đồng: Nơi ở tạm, y tế, nước sạch- vệ sinh môi trường, giao thông, sản xuất, ... ✓ Phục hồi cơ sở hạ tầng: Sửa chữa, gia cố đê đập, cầu đường, ... ✓ Truyền thông: Nâng cao nhận thức, để phòng dịch bệnh và vệ sinh môi trường;... |

Danh mục các biện pháp phòng, chống thiên tai theo hạng mục

| Công trình | Phi công trình |
|--|--|
| <p>Những công trình xây dựng này được thực hiện ở cấp thôn, xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Công trình chống lũ/hạn hán: Công trình nhỏ gia cố bờ sông, thoát nước, thủy lợi nhỏ;... ✓ Công trình nước sạch, vệ sinh môi trường ✓ Giao thông: Nâng cao đường đất nện, cầu liên thôn/ấp;... ✓ Nơi ở: Xây dựng các điểm lánh nạn, trụ sở thôn kết hợp điểm sơ tán; gia cố nhà tạm, làm mới nhà chống bão; ... ✓ Trường học: Xây dựng điểm giữ trẻ, mẫu giáo;... ✓ Y tế: Xây dựng, gia cố các trung tâm y tế;... ✓ Hệ thống thông tin: Cải thiện, trang bị hệ thống thông tin (đài phát thanh xã, radio, loa),... | <p>Những dự trữ cần thiết: Thực phẩm và nước sạch; thuốc men; quỹ dự phòng,...</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Y tế - vệ sinh môi trường: Các khóa tập huấn về sức khỏe thường mắc phải trong thiên tai; lọc nước, viên thuốc xử lý nước uống, cách xử lý chất thải,... ✓ Sinh kế: Tư vấn và tập huấn kiến thức và kỹ năng nhằm đa dạng hóa vụ mùa, khuyến nông; đa dạng sinh kế; hỗ trợ tín dụng,... ✓ Hệ thống thông tin và lập kế hoạch phòng, chống thiên tai: Sơ họa bản đồ vùng ngập lũ và hiểm họa; hệ thống cảnh báo sớm cho cộng đồng;... ✓ Chuẩn bị các trang thiết bị: Điện thoại (gồm cả điện thoại di động); ghe, phao cứu sinh, máy radio;... ✓ Nâng cao năng lực cho cộng đồng: Xây dựng kế hoạch sơ tán, di dời; tập huấn cho cán bộ xã thôn, đội cứu hộ; xây dựng các kế hoạch và chương trình truyền thông; các chương trình giáo dục lồng ghép và ngoại khóa cho học sinh; tập huấn, nâng cao nhận thức cộng đồng, trong nhà trường;... |

PHỤ LỤC 8. MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

UBND xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xã....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Xã Huyện Tỉnh ...

I- GIỚI THIỆU CHUNG VỀ XÃ

II- KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

A- THÔNG TIN CƠ BẢN

(Lấy thông tin từ mẫu Thông tin cơ bản, Phụ lục 6)

1. Đặc điểm địa lý
2. Tình hình dân số
3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên)
4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh
5. Hạ tầng cơ sở
6. Nhà ở
7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường
8. Y tế (dịch bệnh liên quan đến thiên tai)
9. Công tác phòng, chống thiên tai

.....

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG, NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ NHẬN THỨC VỀ RRTT CỦA NGƯỜI DÂN

1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương

Nhận xét chung:

Lịch sử thiên tai (Bảng 2.1)

2. Thông tin đánh giá về TTDBTT

Nhận xét chung:

Bảng tóm tắt các TTDBTT (Bảng 6.1, cột 3)

3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

Nhận xét chung:

Bảng tóm tắt Năng lực PCTT (Bảng 6.1, cột 4)

4. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

C. Tổng hợp Rủi ro thiên tai và Giải pháp phòng, chống thiên tai

1. Tổng hợp Rủi ro thiên tai

Nhận xét: (Từ công cụ tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai, nhận xét chung về các rủi ro thiên tai tại địa phương, theo các lĩnh vực: An toàn cộng đồng; Sản xuất kinh doanh và Vệ sinh môi trường. Từ công cụ xếp hạng, tóm tắt các ưu tiên và quan tâm của địa phương theo các nhóm cộng đồng khác nhau).

Bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai và xếp hạng (Bảng 6.1 – cột 5 và Bảng 8.1 - cột 1 và 2).

2. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Bảng tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai (Bảng 8.1 - cột 5 và Bảng 9.1)

D. Kết luận và đề xuất

Cấp thôn: (Tóm tắt các quan tâm, đề xuất và giải pháp ưu tiên cấp thôn)

Cấp xã: (Tóm tắt các đề xuất và giải pháp ưu tiên cấp xã)

Đề xuất với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan: (Tóm tắt các đề xuất đối với các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan để có sự hỗ trợ và hợp tác)

TM. UBND XÃ

(Lãnh đạo xã)

Các phụ lục kèm theo báo cáo Đánh giá RRTT-DVCD:

Phụ lục 1. Giới thiệu về mục tiêu và phương pháp đánh giá

Phụ lục 2. Danh sách tham gia đánh giá RRTT-DVCD

Phụ lục 3. Lịch trình đánh giá tại địa phương

Phụ lục 4. Kết quả đánh giá

PHỤ LỤC 9. VÍ DỤ VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

9.1. Công cụ Lịch sử thiên tai

Thời gian: 2003-2013, xã Nghi Thái

| Năm (Tháng) | Loại thiên tai | Đặc điểm thiên tai | Khu vực chịu thiệt hại | Thiệt hại gì? Mức độ thiệt hại? | Tại sao bị thiệt hại? | Đã có hoạt động gì để phòng, chống thiên tai? |
|---------------|----------------|--|---------------------------------|--|--|--|
| 2003 (T4 - 5) | Lụt tiểu mãn | Bắt ngờ sau 3 ngày mưa to và xảy ra sau 7 năm | Toàn xã | <ul style="list-style-type: none"> 294 ha diện tích lúa và hoa màu không thu hoạch kịp Lúa bị lên mộng ngoài đồng Hoa màu (lạc, ngô...) ở ruộng thấp bị hư thối | <ul style="list-style-type: none"> Ruộng ở khu vực thấp Thanh niên và nam giới đi làm thuê xa nên thiếu nhân lực để thu hoạch Quá bất ngờ không kịp thu hoạch. | |
| 2004 (T7) | Bão | Gió cấp 9-10 kéo dài 2 tiếng | Thái Cát, Thái Quang, Thái Bình | <ul style="list-style-type: none"> 32 nhà bị tốc mái ở 3 thôn ven biển | <ul style="list-style-type: none"> Nhà cửa hộ gia đình neo đơn, không có người chằng néo Một số nhà mái tôn chủ quan không chằng néo | <ul style="list-style-type: none"> Huy động lực lượng tại chỗ hỗ trợ dựng lại nhà sau bão |
| 2006 (T7-T8) | Hạn hán | Xảy ra muộn, nhiệt độ cao 39-40°C | Toàn xã | <ul style="list-style-type: none"> Dịch đau mắt đỏ (trẻ em, phụ nữ) Thiếu nước sinh hoạt. Thiếu nước tưới, năng suất lúa và hoa màu giảm 50% so với vụ trước. | <ul style="list-style-type: none"> Không có ý thức dự trữ nước (trên 70% hộ không sắm đồ dự trữ nước) 100% kênh mương nội đồng bằng đất nên bị thất thoát nước | <ul style="list-style-type: none"> Chưa có cách khắc phục, chỉ có khoảng 45 ha chủ động được bơm tưới lúa ĐX Các hộ tự đi lấy hoặc mua nước ở xã có nguồn nước sạch. |
| 2007 (T9) | Bão, lụt | Muộn, gió to kèm theo mưa lớn kéo dài 7 ngày gây lụt | Toàn xã | <ul style="list-style-type: none"> Học sinh phải nghỉ học 1 tuần Chết 3 ngư dân Sập 3 nhà ở thôn Thái Học và hư hỏng mái, tường 18 nhà khác Lúa vụ Mùa bị chết sau khi gieo (60-70%), giảm năng suất hoa màu vụ Đông (96ha). Ô nhiễm môi trường | <ul style="list-style-type: none"> Đường bị ngập 0,5m, không đi lại được. Không có thuyền để đi lại Thiếu thông tin liên lạc với tàu thuyền đánh cá Nhà yếu, không chằng néo Ruộng thấp trũng và không có hệ thống tiêu úng. | <ul style="list-style-type: none"> Mua phân để bón và gieo trồng lại những diện tích có thể cứu chữa. Các hộ gia đình giúp đỡ nhau khi khắc phục hậu quả, dọn dẹp vệ sinh, phun thuốc phòng dịch |

| | | | | | | |
|-------------------|------------------|---|--|--|---|--|
| 2009 (T12-T2) | Rét đậm | 3 đợt rét đậm đến sớm, kết thúc muộn, nhiệt độ 10-14°C | Toàn xã | <ul style="list-style-type: none"> Nhiều người cao tuổi và trẻ em bị bệnh Gia súc bị bệnh lở mồm long móng. Gia cầm bị dịch, phải tiêu hủy 100%. Hoa màu giảm năng suất (30% so với vụ trước) | <ul style="list-style-type: none"> Người cao tuổi neo đơn thiếu điều kiện chống rét. Không tiêm phòng. Không che ấm cho chuồng trại. Thiếu kỹ thuật chống rét cho hoa màu. | <ul style="list-style-type: none"> Một số hộ đã che chắn chuồng trại Đa số các hộ có dự trữ thức ăn cho gia súc |
| 2010 (T7-T9) | Bão, lũ | Bão sớm, gió to trên cấp 12, mưa to kéo dài 2 tuần có 2 trận lũ kép | Toàn xã (ngập tại Thái Cát, Thái Quang, Thái Bình) | <ul style="list-style-type: none"> 2 trường tiểu học bị tốc mái. Học sinh phải nghỉ học. Tốc mái 30 nhà Hư hại hoa màu (100%) | <ul style="list-style-type: none"> Trường xuống cấp, không được chằng néo trước bão. Đường đến trường học thấp trũng bị ngập không đi lại được. Nhà không chằng néo Ruộng thấp trũng và không có hệ thống tiêu úng. | <ul style="list-style-type: none"> Các gia đình ven biển chuẩn bị thức ăn, thuốc men, chằng chống nhà cửa trước mùa bão. Huy động lực lượng tại chỗ đắp đường. |
| 2010 (T11-T12) | Rét đậm | Đến sớm bất thường, kéo dài, nhiệt độ 8-10°C | Toàn xã | <ul style="list-style-type: none"> Chết mạ lúa vụ Đông Xuân và rau màu, năng suất giảm 80% Dịch bệnh gia súc gia cầm Thiếu thức ăn cho trâu bò. | <ul style="list-style-type: none"> Thiếu biện pháp chống rét. Chuồng trại chăn nuôi không được che kín, không dự trữ thức ăn cho trâu bò | <ul style="list-style-type: none"> Làm nhà nylông cho mạ |
| 2011 (T3-T7) | Hạn hán | Xây ra sớm và kết thúc muộn, kéo dài, nhiệt độ 39-40°C | Toàn xã | <ul style="list-style-type: none"> Bệnh đau mắt và bệnh đường ruột (trẻ em) Thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt Dịch bệnh, gia cầm chết hàng loạt Thiếu thức ăn cho gia súc | <ul style="list-style-type: none"> Nhận thức về việc phòng bệnh còn yếu Hệ thống kênh mương đất nên thất thoát nước Chưa có giống cây chịu hạn. Chủ quan chưa dự trữ thức ăn cho gia súc | <ul style="list-style-type: none"> Từ đầu năm, xã phát động người dân tiêm phòng, dự trữ thức ăn. |
| 2013 (T4) | Lốc xoáy, mưa to | Bắt ngờ sau nhiều năm và tiếp có mưa to gây ngập úng | Thái Cát, Thái Quang và Thái Bình | <ul style="list-style-type: none"> 10 nhà tốc mái Giảm năng suất lúa Đông xuân 30% | <ul style="list-style-type: none"> Người dân bắt ngờ không kịp chằng néo nhà cửa Cây lúa bị đổ và bị ngập úng | <ul style="list-style-type: none"> Các hộ gia đình giúp đỡ nhau khi khắc phục hậu quả |

Kết quả tổng hợp từ Công cụ Lịch sử thiên tai

| Thiên tai | Xu hướng | TTDBTT | Năng lực | Rủi ro thiên tai |
|------------------|--|--|--|--|
| Bão (3 trận) | Bão xảy ra thất thường và khó dự đoán. Thường kèm mưa lớn, gió to và kéo theo lũ lụt | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhà ở của các hộ nghèo, người cao tuổi neo đơn và phụ nữ đơn thân... còn đơn sơ Trường học xuống cấp. Thiếu thông tin liên lạc với tàu thuyền đánh cá <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhiều gia đình chủ quan không chằng néo nhà cửa Chủ quan không thu hoạch sớm. <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> Công tác cảnh báo chưa kịp thời Những hộ gia đình neo đơn, chỉ có phụ nữ và trẻ em ở nhà. Đàn ông và thanh niên đi làm xa nhiều, thiếu người hỗ trợ trước bão. | <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các hộ ven biển có kinh nghiệm chuẩn bị phòng bão. <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> Huy động được lực lượng tại chỗ và bà con hàng xóm hỗ trợ dựng lại nhà sau bão. Các hộ gia đình giúp đỡ nhau khi khắc phục hậu quả, dọn dẹp vệ sinh, phun thuốc phòng dịch | <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiệt hại về người Hư hại nhà cửa, Trường học Trẻ em phải nghỉ học <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Mất mùa hoặc giảm năng suất lúa và hoa màu Thiệt hại về chăn nuôi gia súc gia cầm |
| Lũ, lụt (2 trận) | Kèm theo với bão | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đường đến các trường học vùng thấp thấp trũng bị ngập không đi lại được. Không có thuyền để đi lại trong mùa lũ. Sản xuất lúa, hoa màu và chăn nuôi phụ thuộc nhiều vào thời tiết Ruộng ở nơi thấp trũng, thiếu hệ thống tiêu úng. | <ul style="list-style-type: none"> Chủ động bón phân và gieo trồng lại những diện tích có thể cứu chữa. Các hộ gia đình giúp đỡ nhau khi khắc phục hậu quả, dọn dẹp vệ sinh, phun thuốc phòng dịch | <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sạt lở bờ sông Thiệt hại về người. Trẻ em phải nghỉ học. <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngập úng, thiệt hại sản xuất lúa và hoa màu Vệ sinh, môi trường: Ô nhiễm môi trường |

| | | | | |
|---------------------------------|--|---|---|--|
| Hạn hán (2 trận) | Xảy ra sớm, kết thúc muộn, kéo dài, nhiệt độ cao 39-40°C | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chưa có giống cây chịu hạn 100% kênh mương nội đồng bằng đất nên thất thoát nước. <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ quan chưa dự trữ nước Chưa dự trữ thức ăn cho gia súc. Thiếu ý thức về việc phòng, chữa bệnh và chưa có kinh nghiệm đối phó với hạn hán. Chưa có giống cây chịu hạn | <p>VC</p> <ul style="list-style-type: none"> Có khoảng 45 ha chủ động được bơm tưới lúa Đông Xuân <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các hộ tự đi lấy hoặc mua nước ở xã có nguồn nước sạch <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> Từ đầu năm, xã phát động người dân tiêm phòng, dự trữ thức ăn. | <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiếu nước cho sinh hoạt. <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiếu nước cho sản xuất <p>SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bệnh đau mắt và bệnh đường ruột đối với trẻ em Dịch bệnh ở vật nuôi |
| Rét đậm (2 trận) | Đến sớm bất thường, kéo dài, nhiệt độ 8-10°C | <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Người dân còn chủ quan, không tiêm phòng cho vật nuôi. Không che ấm cho chuồng trại. Không dự trữ thức ăn cho trâu bò. Nhiều hộ thiếu ý thức và hiểu biết chống rét cho mạ, vật nuôi và hoa màu. | <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Một số hộ biết che chắn chuồng trại giữ ấm cho vật nuôi và có dự trữ thức ăn. Người dân biết làm nhà nylông cho mạ | <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Người cao tuổi và trẻ em bị bệnh <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiệt hại sản xuất và chăn nuôi |
| Lụt Tiểu mãn (1 trận) | Bất ngờ | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phần lớn diện tích lúa, hoa màu ở trong vùng trũng. <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiếu nhân lực để thu hoạch do thanh niên đi làm ăn xa. | <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiệt hại Lúa vụ Đông Xuân, giảm năng suất lúa vụ Mùa | <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hư hỏng nhà ở <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiệt hại, giảm năng suất lúa Đông Xuân |
| Lốc xoáy, mưa to (1 trận) | Bất ngờ sau nhiều năm và tiếp có mưa to gây ngập úng | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhiều hộ dân có nhà còn đơn sơ. <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Người dân bất ngờ không kịp chằng néo nhà cửa | <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các hộ gia đình giúp đỡ nhau khi khắc phục hậu quả | <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hư hỏng nhà ở <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiệt hại, giảm năng suất lúa Đông Xuân |

9.2. Công cụ Lịch theo mùa (tương ứng với thời gian thiên tai xảy ra)

Phần ký hiệu: (i) Mùa _____ (ii) Thiên tai trước đây _____ (iii) Xu hướng thiên tai tại _____

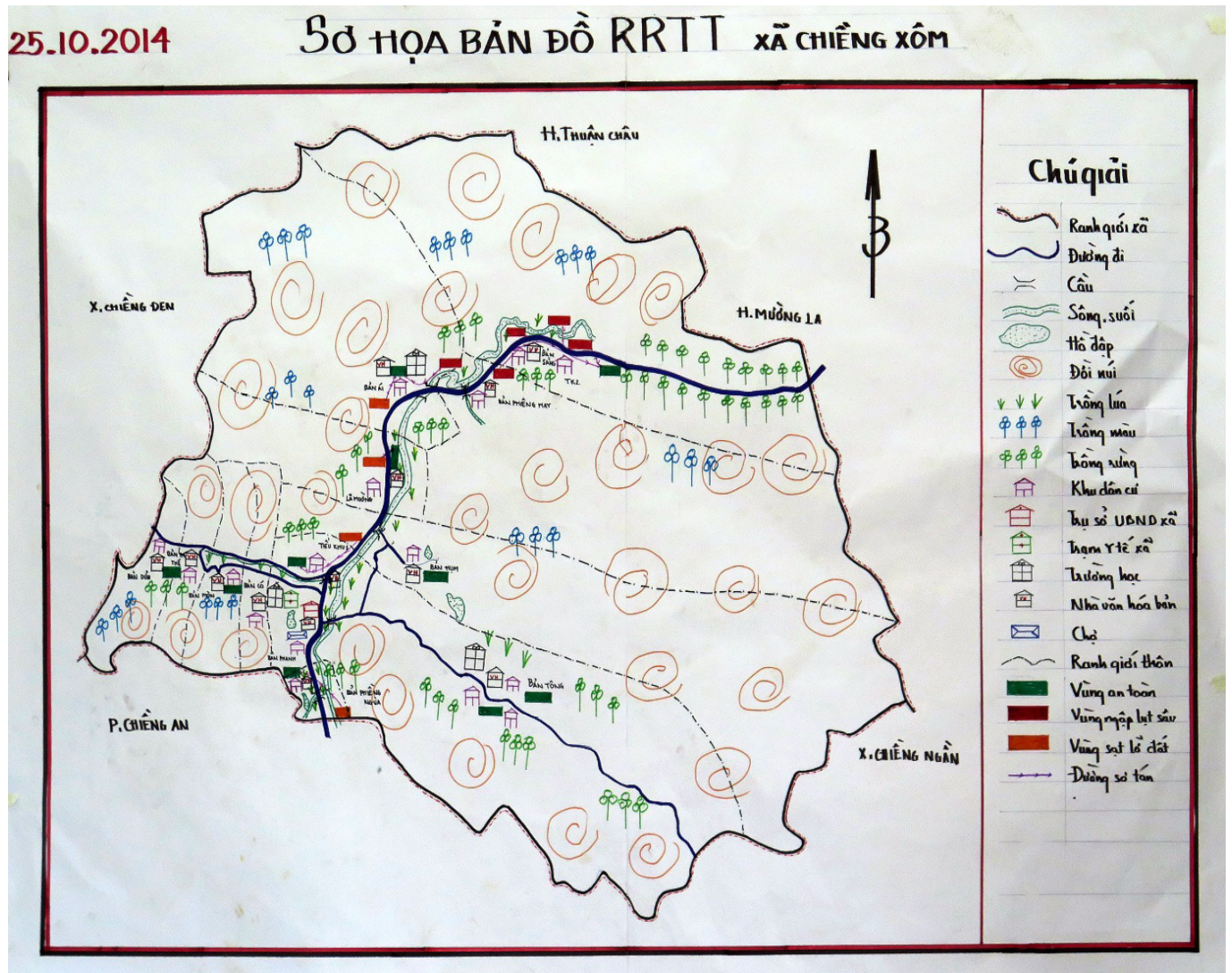
| Thiên tai | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | Xu hướng | |
|--------------------------------------|---------------------------|---|---|-------------------|------------------------------|---|-------------------|---|-------------------|----|----|----|--|---|
| Bão | | | | | | | Cao điểm | | Cao điểm | | | | Đến sớm. Kết thúc muộn và ngày càng khó dự đoán. Thời gian giữa các trận bão gần hơn | |
| Lụt | | | | | | | | | Cao điểm | | | | Đến sớm. Mưa kéo dài (10 ngày, trước đây 3 ngày) | |
| Hạn hán | | | | Cao điểm | | | | | | | | | Đến sớm (T3/T6) kết thúc sớm (T7/T8). Nhiệt độ cao 39-40°C | |
| Rét | Cao điểm | | | | | | | | | | | | Đến sớm. Nhiệt độ thấp 8-10°C (trước 10-14°C) | |
| Lũ tiểu mãn | | | | Cao điểm | | | | | | | | | Thất thường và rất khó dự đoán | |
| Lốc xoáy | | | | | Cao điểm | | | | | | | | Thất thường | |
| Lịch hoạt động kinh tế xã hội | Tháng (Dương lịch) | | | | | | | | | | | | Tác động của thiên tai đến hoạt động kinh tế - xã hội. Tại sao? Kinh nghiệm phòng, chống? | |
| Lúa Đông Xuân | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | | Rét đậm: 50% diện tích lúa giảm năng suất do mạ chết, phụ nữ phải mất thêm công gieo lại. Không thường xuyên thăm đồng để phát hiện bệnh kịp thời. 70% các hộ được phổ biến kĩ thuật chống rét cho mạ (làm nhà ni lông, dùng tro bếp, trấu...), nhưng nhiều hộ không áp dụng đúng qui trình. Hạn hán: 75 ha lúa Đông Xuân thiếu nước, phụ thuộc vào nước mưa. Có 45ha chủ động được máy bơm. Lũ tiểu mãn: Không kịp thu hoạch vì không có nhân lực khi lũ xảy ra bất thường. Huy động nhân dân vào phương châm xanh nhà hơn già đồng. |
| | Gieo | | | | Thu hoạch | | | | | | | | | |
| | | Nữ: chăm sóc, bón phân, làm cỏ | | | Nữ gặt lúa và nam vận chuyển | | | | | | | | | |
| | | Nam: phun thuốc, thăm đồng phát hiện sâu bệnh | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Lúa vụ mùa | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Hạn hán: 69 ha lúa thiếu nước, phụ thuộc vào nước mưa. Có 45ha chủ động được máy bơm. Bão, lũ lụt: 60 ha lúa bị ảnh hưởng (giảm năng suất, mất mùa) do ở vùng thấp trũng, không có hệ thống tiêu úng Hạn hán: giảm năng suất do 50 ha lúa phụ thuộc hoàn toàn nguồn nước mưa. Bão, lũ lụt: 40 ha lúa giảm năng suất, ngập úng, mất mùa do ở vùng thấp trũng, không có hệ thống tiêu úng. Không có dụng cụ sảy lúa nên lúa gãy về bị lên mọng. Hội nông dân vận động người dân gieo lại dùng giống lúa ngắn ngày. Huyện hỗ trợ giống lúa Rét đậm: 30% chết giống, phát triển kém, giảm năng suất do người dân không có kinh nghiệm chống rét và chưa biết giống nào phù hợp. Khoảng 20 hộ làm đúng kĩ thuật ủ ấm. Bão, lụt: 20 ha màu ngập úng, thối giống, giảm sản lượng do ở vùng thấp trũng Hạn hán: 200 ha thiếu nước. Người dân chưa có giống chịu hạn | |
| Lúa Hè Thu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hoa màu vụ Xuân Hè (Lạc, Ngô) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hoa màu Hè Thu (Lạc, ngô, vừng) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hoa màu vụ Thu Đông | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Chăn nuôi Gia súc gia cầm | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Làm thêm | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Học sinh đi học | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Lễ hội | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Kết quả tổng hợp từ Công cụ Lịch theo mùa

| Loại thiên tai | Xu hướng | TTDBTT | Năng lực | Rủi ro thiên tai |
|----------------|--|---|---|--|
| Bão, Lụt | Bão: đến sớm, kết thúc muộn và khó dự đoán, cường độ mạnh và kèm theo lũ lụt. Thời gian giữa các trận bão gần hơn. Lụt: đến sớm, mưa kéo dài (10 ngày), ngập úng | VC: <ul style="list-style-type: none"> Vùng thấp trũng thường xuyên bị ngập úng là 120 ha. Không có dụng cụ sảy lúa nên lúa gặt về bị lên mọng | NTKN: <ul style="list-style-type: none"> Huy động được nhân lực để gieo lại lúa TCXH <ul style="list-style-type: none"> Hội nông dân vận động người dân gieo lại dùng giống lúa ngắn ngày Huyện hỗ trợ giống lúa | <ul style="list-style-type: none"> Thối giống do ngập úng kéo dài Trễ vụ do phải gieo lại (tốn công và chi phí mua lại giống) Sản lượng thấp, mất mùa |
| Hạn hán | Đến sớm (T2/T6) kết thúc sớm (T7/T8) Nhiệt độ cao 39-40°C | VC: <ul style="list-style-type: none"> 400 ha gồm: 120 ha lúa Đông Xuân; 50 ha lúa Hè Thu. Sản xuất hoa màu (ngò và lạc) bị thiếu nước, phụ thuộc vào nước mưa 100% kênh mương nội đồng bằng đất NTKN: <ul style="list-style-type: none"> Người dân không có giống chịu hạn Chưa chủ động dự trữ thức ăn vật nuôi | VC: <ul style="list-style-type: none"> Có 1 máy bơm nhỏ do thôn đầu tư mua nên 45 ha chủ động được nước tưới. Có đề án cuối năm 2013 sẽ xây hệ thống mương tưới sẽ đáp ứng nước tưới cho 70% diện tích | <ul style="list-style-type: none"> Thiếu nước cho sản xuất lúa và rau màu dẫn đến năng suất thấp hoặc bị mất mùa. |
| Rét đậm | Đến sớm Nhiệt độ thấp 8°C (trước 10°C) | NTKN: <ul style="list-style-type: none"> Không thường xuyên thăm đồng để phát hiện bệnh kịp thời Nhiều hộ chủ quan không áp dụng các biện pháp chống rét theo quy trình (tháo mở ni lông khi có nắng). Không che ấm chuồng trại, không tiêm phòng và thiếu thức ăn cho gia súc. | NTKN: <ul style="list-style-type: none"> Một số hộ áp dụng cách chống rét cho mạ như dùng tro bép, trấu, phủ ni lông cho mạ... TCXH: <ul style="list-style-type: none"> 70% người dân được trang bị kỹ thuật chăn nuôi và biện pháp chống rét | <ul style="list-style-type: none"> Giảm năng suất lúa vụ Đông Xuân và hoa màu vụ Đông Lúa và hoa màu bị sâu bệnh Gia súc gia cầm bị dịch bệnh và chết |
| Lũ/Tiểu mãn | Thất thường | <ul style="list-style-type: none"> Không kịp thu hoạch vì không có nhân lực khi lũ xảy ra bất thường | <ul style="list-style-type: none"> Huy động nhân dân với phương châm xanh nhà hơn già đồng | <ul style="list-style-type: none"> Lúa lên mọng do thu hoạch không kịp |

9.3. Công cụ sơ họa bản đồ đồ rủi ro thiên tai (Minh họa công cụ 4)



Ảnh 15: Sơ họa bản đồ RRTT xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Nguồn: Nguyễn Đức Thiện)

Bảng tổng hợp kết quả từ Công cụ Sơ họa Bản đồ rủi ro thiên tai của xã Nghi Thái

| Loại thiên tai | Xu hướng | TTDBTT | Năng lực | Rủi ro thiên tai |
|----------------|----------|--|---|---|
| Bão | | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> 30% nhà ở đã xuống cấp của các hộ nghèo, neo đơn. 2 trường tiểu học đã xuống cấp: cửa kính và mái tôn yếu. Hệ thống truyền thanh từ xã đến các thôn xa trung tâm bị hư và chưa được sửa lại nên thông tin cảnh báo chưa đến được người dân <p>NTKN</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận thức của cộng đồng về phòng tránh thiên tai còn chủ quan Có hơn 400 trẻ em dưới 6 tuổi và 75 người khuyết tật. Lao động chính thường đi làm xa, chủ yếu có người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em ở nhà | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tại mỗi thôn đều có từ 4-8 nhà xây kiên cố để tránh trú UBND xã vừa xây xong hội trường cao tầng kiên cố làm nhà tránh trú <p>NTKN</p> <ul style="list-style-type: none"> Các hộ vùng ven biển có kinh nghiệm tránh bão: dự trữ lương thực, thuốc men, chằng chống nhà cửa | <ul style="list-style-type: none"> Thôn có nguy cơ cao: Thái Cát, Thái Quang, Thái Bình <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhà ở bị hư, sập Thiệt hại về người (hộ sống trong nhà yếu và ngư dân đi biển) |
| Lũ, lụt | | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> 120 ha ruộng lúa và hoa màu nằm ở vùng thấp trũng Đường từ thôn thấp trũng đến các trường học chưa được nâng cấp. Biển báo của 4 điểm nguy hiểm bị hỏng. Thiếu hệ thống tiêu thoát nước | <p>TCXH</p> <ul style="list-style-type: none"> Tất cả các thôn đều có đội xung kích đã được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu. Nhiều thanh niên tập trung ở thôn Thái Quang, Thái Học | <ul style="list-style-type: none"> Vùng có nguy cơ cao là 120 ha ruộng vùng thấp trũng, đường từ thôn tới trường học <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ đuối nước đối với trẻ em, phụ nữ <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Mất đất sản xuất do sạt lở đất ven sông Mất mùa, thiếu lương thực do ruộng lúa, hoa màu bị ngập |
| Hạn hán | | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> 100% kênh mương nội đồng bằng đất 400 ha lúa và hoa màu thiếu nước 168 trẻ em thuộc các hộ 3 thôn đang dùng nước giếng đào | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xã đã có hệ thống nước sạch và khoảng 55% hộ ở các thôn trung tâm xã đã có nước máy Có 45 ha chủ động được nước sản xuất | <ul style="list-style-type: none"> Ảnh hưởng toàn xã, đặc biệt thôn Thái Thịnh, Thái Học, Thái Sơ, Thái Phúc <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiếu nước sinh hoạt cho các hộ vùng cao <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm năng suất lúa và hoa màu. |

9.4. Công cụ Điểm mạnh và yếu trong công tác phòng, chống thiên tai

| Người dân và các tổ chức đoàn thể | Điểm mạnh | Điểm yếu |
|--|---|---|
| Người dân | <ul style="list-style-type: none"> • Có kinh nghiệm trong PCTT: 60% có chằng chống nhà cửa và chuẩn bị lương thực trước mùa thiên tai • Người dân có tinh thần tương trợ, đoàn kết trong phòng, chống thiên tai • Hội đồng hương và bà con xa quê thường xuyên ủng hộ và giúp đỡ những gia đình hoàn cảnh khó khăn. | <ul style="list-style-type: none"> • 40% hộ còn trông chờ và chủ quan trước mùa thiên tai • 1 số hộ neo đơn, già cả không có khả năng chống chọi với bão lụt. • Số hộ nghèo, cận nghèo cao • Trên 50% người dân còn hạn chế kinh nghiệm trong việc chuẩn bị cho hạn hán, rét đậm • Các hộ đi biển không tiếp cận thông tin kịp thời • Đa số phụ nữ và trẻ em gái không biết bơi |
| BCH phòng chống thiên tai xã và các cơ quan đoàn thể | <ul style="list-style-type: none"> • Hàng năm, UBND xã, BCH PCTT có tổ chức đánh giá công tác năm trước và xây dựng kế hoạch PCTT rõ ràng và đưa vào hợp xã và thôn. Trong đó có phân công cụ thể công việc cho thôn, các thành viên. • Các đoàn thể: Mặt trận, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Phụ nữ của xã và các thôn luôn quan tâm đến công tác phòng chống thiên tai của người dân • Chính quyền và trường học phối hợp tốt khi bão lụt xảy ra • UBND xã vừa xây xong hội trường cao tầng kiên cố làm nhà tránh trú. | <ul style="list-style-type: none"> • Kinh phí để phục vụ công tác PCTT còn hạn chế • Thiếu phương tiện, trang thiết bị như: máy phát điện, loa tay, thuyền lớn... • Hệ thống truyền thanh từ xã đến các thôn xa trung tâm bị hư và chưa được sửa lại • Chưa có nhiều công tác chia sẻ kinh nghiệm sản xuất khi gặp hạn hán và rét đậm • Nhiều cột mốc cảnh báo bị cũ và hỏng. |
| Đội xung kích thôn | <ul style="list-style-type: none"> • Tất cả các thôn đều có đội xung kích và đã được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu. | <ul style="list-style-type: none"> • Thanh niên đi làm xa |
| Doanh nghiệp trên địa bàn xã | | <ul style="list-style-type: none"> • Chưa có sự phối hợp với chính quyền và người dân |

9.5. Công cụ Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai

| Loại thiên tai | Xu hướng của thiên tai | TTDBTT | Năng lực | Rủi ro thiên tai |
|----------------|---|---|--|---|
| Bão | <ul style="list-style-type: none"> - Bão xảy ra thất thường và khó dự đoán. Đến sớm, kết thúc muộn - Thời gian giữa các trận bão gần hơn. Thời gian một trận bão kéo dài hơn - Thường kèm mưa lớn, gió to và kéo theo lũ lụt | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 30% nhà ở đã xuống cấp của các hộ nghèo, neo đơn. • 2 trường tiểu học đã xuống cấp: cửa kính và mái tôn yếu. • Hệ thống truyền thanh từ xã đến các thôn xa trung tâm bị hư và chưa được sửa lại nên thông tin cảnh báo chưa đến được người dân • Thiếu nhân lực thu hoạch lúa Đông Xuân khi có bão • Thiếu thông tin liên lạc với tàu thuyền đánh cá <p>NTKN</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhận thức của cộng đồng về phòng tránh thiên tai còn chủ quan (không chằng néo nhà cửa) • Có hơn 400 trẻ em dưới 6 tuổi và 75 người khuyết tật. • Các hộ đi biển không tiếp cận thông tin kịp thời <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lao động chính thường đi làm xa, chủ yếu có người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em ở nhà | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tại mỗi thôn đều có từ 4-8 nhà xây kiên cố để tránh trú • UBND xã vừa xây xong hội trường cao tầng kiên cố làm nhà tránh trú <p>NTKN</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các hộ vùng ven biển (60%) có kinh nghiệm tránh bão: dự trữ lương thực, thuốc men, chằng chống nhà cửa <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các hộ gia đình giúp đỡ nhau khi khắc phục hậu quả, dọn dẹp vệ sinh, phun thuốc phòng dịch • Hội đồng hương và bà con xa quê thường xuyên ủng hộ và giúp đỡ những gia đình hoàn cảnh khó khăn. • Hàng năm, UBND xã, BCH PCTT có tổ chức đánh giá công tác năm trước và xây dựng kế hoạch PCTT rõ ràng và đưa vào họp xã và thôn. Trong đó có phần công cụ thể công việc cho thôn, các thành viên. • Chính quyền và trường học phối hợp tốt khi bão lụt xảy ra | <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thiệt hại về người • Hư hại nhà cửa, trường học <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giảm sản lượng lúa vụ Mùa, vụ Hè Thu và hoa màu vụ Đông • Chết vật nuôi (gia súc gia cầm) |

| | | | | |
|---------|--|---|---|--|
| Lũ, lụt | <p>- Đến sớm. - Mưa kéo dài (10 ngày, trước đây chỉ khoảng 3 ngày)</p> | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 120 ha ruộng lúa và hoa màu nằm ở vùng thấp trũng • Đường từ thôn thấp trũng đến các trường học chưa được nâng cấp. • Biên báo của 4 điểm nguy hiểm bị hồng. • Thiếu hệ thống tiêu thoát nước • Không có dụng cụ sảy lúa nên lúa gặt về bị lên mọng <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đa số phụ nữ và trẻ em gái không biết bơi | <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Huy động được nhân lực để gieo lại lúa • Các hộ gia đình giúp đỡ nhau khi khắc phục hậu quả, dọn dẹp vệ sinh, phun thuốc phòng dịch <p>TCXH</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hội nông dân vận động người dân gieo lại dùng giống lúa ngắn ngày • Huyện hỗ trợ giống lúa • Tất cả các thôn đều có đội xung kích đã được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu. • Nhiều thanh niên tập trung ở thôn Thái Quang, Thái Học • Tất cả các thôn đều có đội xung kích và đã được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu. • Các đoàn thể: Mặt trận, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Phụ nữ của xã và các thôn luôn quan tâm đến công tác phòng chống thiên tai của người dân | <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguy cơ đuối nước đối với trẻ em, phụ nữ <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mất đất sản xuất do sạt lở đất dọc hai bên bờ sông • Sản lượng thấp, mất mùa, thiếu lương thực do ruộng lúa, hoa màu bị ngập <p>SKVSMT :</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô nhiễm môi trường |
|---------|--|---|---|--|

| | | | | |
|----------------|---|--|--|--|
| <p>Hạn hán</p> | <p>- Đến sớm (T3/T6) kết thúc sớm (T7/T8). - Nhiệt độ cao 39-40°C</p> | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> 100% kênh mương nội đồng bằng đất 400 ha (gồm: 120 ha lúa Đông Xuân; 50 ha lúa Hè Thu. Sản xuất hoa màu (ngô và lạc) bị thiếu nước, phụ thuộc vào nước mưa 168 trẻ em thuộc các hộ 3 thôn đang dùng nước giếng đào <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Người dân không có giếng chịu hạn Chưa chủ động dự trữ thức ăn vật nuôi Thiếu ý thức về việc phòng, chữa bệnh và chưa có kinh nghiệm đối phó với hạn hán. (50% dân) <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chưa có nhiều công tác chia sẻ kinh nghiệm sản xuất khi gặp hạn hán | <p>VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xã đã có hệ thống nước sạch và khoảng 55% hộ ở các thôn trung tâm xã đã có nước máy Có 1 máy bơm nhỏ do thôn đầu tư mua nên 45 ha chủ động được nước tưới. Có đề án cuối năm 2013 sẽ xây hệ thống mương tưới sẽ đáp ứng nước tưới cho 70% diện tích <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> Từ đầu năm, xã phát động người dân tiêm phòng, dự trữ thức ăn. | <p>ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiếu nước sinh hoạt cho các hộ vùng cao (thôn Thái Thịnh, Thái Học, Thái Sơ, Thái Phúc) <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm năng suất lúa và hoa màu và mất mùa do thiếu nước <p>SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bệnh đau mắt và bệnh đường ruột đối với trẻ em Dịch bệnh ở vật nuôi |
| <p>Rét đậm</p> | <p>- Đến sớm. Nhiệt độ thấp 8-10°C (trước 10-14°C)</p> | <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Không thường xuyên thăm đồng để phát hiện bệnh kịp thời Nhiều hộ chủ quan không áp dụng các biện pháp chống rét theo quy trình (tháo mở ny long khi có nắng). Không che ấm chuồng trại, không tiêm phòng và thiếu thức ăn cho gia súc. (50% dân) <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chưa có nhiều công tác chia sẻ kinh nghiệm sản xuất khi gặp rét đậm | <p>NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> Một số hộ áp dụng cách chống rét cho mạ như dùng tro bếp, trấu, phủ ny long cho mạ... <p>TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> 70% người dân được trang bị kĩ thuật chăn nuôi và biện pháp chống rét | <p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm năng suất lúa vụ Đông Xuân và hoa màu vụ Đông <p>SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tăng dịch bệnh ở người Gia súc gia cầm bị dịch bệnh và chết |

| | | | | |
|--------------------|-------------|--|---|--|
| Lụt Tiểu mãn | Thất thường | VC: • Phần lớn diện tích lúa, hoa màu ở trong vùng trũng. NTKN: • Thiếu nhân lực để thu hoạch do thanh niên đi làm ăn xa. | NTKN: • Huy động nhân dân với phương châm xanh nhà hơn già đồng | SXKD: • Thiệt hại Lúa vụ Đông Xuân, giảm năng suất lúa vụ Mùa |
| Lốc xoáy | Thất thường | NTKN: • Nhiều hộ dân có nhà còn đơn sơ. • Người dân bất ngờ không kịp chằng néo nhà của | TCXH: • Các hộ gia đình giúp đỡ nhau khi khắc phục hậu quả | ATCĐ: • Hư hỏng nhà ở SXKD: • Thiệt hại, giảm năng suất lúa Đông Xuân |

9.6. Công cụ Xếp hạng

| BẢNG XẾP HẠNG | | | | |
|---|------------------------------|---------|-----------|-----------------|
| Thôn/cụm thôn:..... Xã:..... | | | | |
| Số người tham gia xếp hạng: 16 Nam; 15 Nữ | | | | |
| Rủi ro quan tâm | Điểm cho các rủi ro quan tâm | | Tổng điểm | Thứ tự xếp hạng |
| | Nhóm Nam | Nhóm Nữ | | |
| Hư hại nhà ở, trường học | 135 | 104 | 239 | 3 |
| Giảm năng suất lúa, màu và mất mùa | 138 | 140 | 278 | 2 |
| Học sinh nghỉ học | 111 | 99 | 210 | 5 |
| Ô nhiễm môi trường | 105 | 98 | 203 | 6 |
| Dịch bệnh ở người | 107 | 94 | 201 | 7 |
| Dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi | 98 | 135 | 233 | 4 |
| Mất đất sản xuất | 81 | 75 | 156 | 9 |
| Thiếu nước sinh hoạt | 93 | 98 | 191 | 8 |
| Thiệt hại về người | 148 | 140 | 288 | 1 |

9.7. Công cụ Phân tích nguyên nhân và Tổng hợp giải pháp PCTT

| TT | Rủi ro thiên tai | TTDBTT | Nguyên nhân | Giải pháp |
|----|------------------------------------|---|--|---|
| 1 | Thiệt hại về người | <ul style="list-style-type: none"> Các hộ đi biển không tiếp cận thông tin kịp thời Đa số phụ nữ và trẻ em gái không biết bơi | <ul style="list-style-type: none"> Thiếu thông tin liên lạc với tàu thuyền đánh cá Hệ thống truyền thanh từ xã đến các thôn xa trung tâm bị hư và chưa được sửa lại nên thông tin cảnh báo chưa đến được người dân Đường từ thôn thấp trũng đến các trường học chưa được nâng cấp. Biển báo của 4 điểm nguy hiểm bị hỏng. | <ul style="list-style-type: none"> Nâng cao nhận thức cho ngư dân để nâng cấp thông tin liên lạc của tàu thuyền đánh cá Lập kế hoạch phòng, chống lụt bão cấp gia đình để đảm bảo có đủ nhân lực hoặc hỗ trợ khi có bão với sự tham gia của trẻ em, phụ nữ. Nâng cấp đường từ thôn thấp trũng đến các trường học, thường xuyên tu sửa, khơi thông các cống rãnh tiêu thoát nước các đoạn đường thường bị ngập úng. Trang bị áo phao cho học sinh vùng thấp trũng Sửa hệ thống biển báo của các điểm nguy hiểm. Dạy bơi cho phụ nữ và trẻ em gái |
| 2 | Giảm năng suất lúa, màu và mất mùa | <ul style="list-style-type: none"> Phần lớn diện tích lúa, hoa màu ở trong vùng trũng. Thiếu hệ thống tiêu thoát nước Thiếu nhân lực thu hoạch lúa Đông Xuân khi có bão. | <ul style="list-style-type: none"> Không thường xuyên thăm đồng để phát hiện bệnh kịp thời Nhiều hộ chủ quan không áp dụng các biện pháp chống rét theo quy trình (tháo mỡ ny long khi có nắng). Chưa có nhiều công tác chia sẻ kinh nghiệm sản xuất khi gặp hạn hán. Không có dụng cụ sấy lúa nên lúa gặt về bị lên mọt Lao động chính thường đi làm xa, chủ yếu có người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em ở nhà | <ul style="list-style-type: none"> Huy động nhân dân với phương châm xanh nhà hơn già đồng Nâng cao nhận thức và chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, phòng, chữa bệnh và đối phó với thiên tai, đặc biệt về hạn hán và rét đậm: các biện pháp kĩ thuật, che ấm chuồng trại, tiêm phòng và dự trữ thức ăn Xây hệ thống mương tưới Chuẩn bị giống chịu hạn. giống lúa ngắn ngày Lập kế hoạch phòng, chống lụt bão cấp gia đình để đảm bảo có đủ nhân lực hoặc hỗ trợ khi có bão với sự tham gia của trẻ em, phụ nữ, các ngư dân |
| 3 | Hư hại nhà ở, trường học | <ul style="list-style-type: none"> Nhiều hộ dân có nhà còn đơn sơ. 2 trường tiểu học đã xuống cấp: cửa kính và mái tôn yếu. | <ul style="list-style-type: none"> Người dân bất ngờ không kịp chằng néo nhà cửa | <ul style="list-style-type: none"> Chủ động chằng néo nhà cửa Hỗ trợ các hộ nghèo, hộ neo đơn nâng cấp nhà ở |

1. ActionAid Vietnam (2005). Đánh giá rủi ro trong thảm họa và lập kế hoạch phòng ngừa, giảm nhẹ có sự tham gia của cộng đồng.
2. Bộ NN&PTNT (2012). Báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Luật Phòng chống thiên tai.
3. Bộ NN&PTNT và UNDP (2012). Tài liệu Kỹ thuật: Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu.
4. Bộ NN&PTNT (2008). Tài liệu tập huấn: Đánh giá rủi ro thiên tai có sự tham gia của cộng đồng và lập kế hoạch xã an toàn hơn.
5. Cục quản lý đê điều và phòng chống lụt bão (2006). Sổ tay hướng dẫn đánh giá thiệt hại và nhu cầu cứu trợ các giai đoạn của thiên tai.
6. CARE quốc tế tại Việt Nam (2008). Công cụ đánh giá giá rủi ro thiên tai có sự tham gia của cộng đồng.
7. Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế (2006). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng là gì?
8. Hiệp hội Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế (2012). Phim ngắn ABC về đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực.
9. Hội chữ thập đỏ Việt Nam và Hội chữ thập đỏ Hà Lan (2010). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA): Sổ tay dành cho hướng dẫn viên của Hội chữ thập đỏ Việt Nam, Tập I, Tập II.
10. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Hội chữ thập đỏ Hà Lan (2002). Giới thiệu về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.
11. Malterser International và JANI (2013). Tài liệu hướng dẫn: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng có lồng ghép hòa nhập người khuyết tật.
12. Oxfam, Sở NN&PTNT Tiền Giang và Hội Chữ thập đỏ Tiền Giang (2005). Lập kế hoạch hành động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.
13. Quốc Hội Việt Nam (2013). Luật số 33/2013/QH13: Luật phòng, chống thiên tai.
14. Quyết định 333/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2013 – 2015.
15. Quyết định số 1002/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
16. Tổng cục thủy lợi (2011). Hướng dẫn tổ chức thực hiện nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.
17. Trung tâm nghiên cứu và hợp tác quốc tế -CECI (2011). Hệ thống tài liệu hướng dẫn quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
18. Trung tâm nghiên cứu và hợp tác quốc tế - CECI (2007). Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
19. Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai và Tổ chức Oxfam Anh (2011). Sổ tay hướng dẫn: Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng.





BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 043 846 8161
Fax: 043 845 4319
Website: www.mard.gov.vn



ĐẠI SỨ QUÁN AUSTRALIA
Số 8 Đào Tấn,
Ba Đình,
Hà Nội,
Việt Nam
Tel: +84-4 3774 0100



*Empowered lives.
Resilient nations.*

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LIÊN HỢP QUỐC
Số 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội - Việt Nam
Tel: (84 4) 39421495
Fax: (84 4) 39422267
Email: registry.vn@undp.org
www.undp.org.vn